

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 6 (PHẦN ĐẦU)

Luận: “Chỗ đã nêu sơ lược”, đến “tướng sai biệt của nó”.

Thuật rằng: Từ đây xuống giải thích lại sáu vị và tâm sở. Trong đó có hai phần:

1. Nêu chỗ nói để tổng khuyên hưng giáo.
2. Tùy giải thích.

Đây là phần đầu. Trong giải thích đoạn văn lớn có hai phần:

1. Lấy năm bài tụng nêu riêng tâm sở.
2. Giải thích chung tâm sở cùng với tâm là một là khác.

Ngay trong phần đầu này phân làm ba đoạn:

1. Một bài tụng đầu phân rõ hai vị.
2. Một bài tụng kế phân rõ thiện vị, hai bài tụng kế phân rõ tùy phiền não vị.
3. Nửa bài tụng sau phân rõ bất định vị.

Trong chỗ lấy một bài tụng phân rõ hai vị có hai phần:

1. Hỏi để phát khởi đầu Luận.
2. Tùy hỏi và đáp.

Luận: Lại còn hai vị đầu tướng nó như thế nào?

Thuật rằng: Đây là câu hỏi ban đầu.

Luận: “Tụng nói rằng”, đến “sở duyên sự không đồng”.

Thuật rằng: Dưới đây đoạn thứ hai đáp riêng chỗ hỏi. Câu tụng thứ nhất hiển rõ vị thứ nhất, trong bản thức trước đã phân rõ tướng của nó, bây giờ chỉ lược nêu. Ba câu tụng kế hiển tên của vị thứ hai, một câu dưới giải thích riêng nghĩa của cảnh. Trong văn Trường hàng sau, căn cứ theo chỗ thuyết minh của tụng mà phân làm hai đoạn. Trong giải thích Biến hành có hai phần:

1. Giải thích chung câu đầu của tụng.
2. Giải thích nghĩa của Biến hành.

Luận: “Nói rằng vị đầu trong sáu vị”, đến “như trước đã nói

rộng”.

Thuật rằng: Đây là tổng giải thích câu đầu trong tụng. Hiện tại giải thích chữ “sơ” và chữ “xúc”. Tự tánh và tác nghiệp của năm Biến hành này, trong quyển 3 Thức thứ tám đã giải thích xong. Chỗ nói nghĩa Biến hành trong quyển 3 đó sau sẽ nói, hiện tại Luận này nói.

Luận: “Tướng của Biến hành này phải biết như thế nào?”

Thuật rằng: Dưới đây có ba phần:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Tổng kết.

Giải thích chỗ trong bài tụng nói nghĩa của Biến hành. Ban đầu Tát-bà-đa hỏi chỉ có năm Biến hành, sư Kinh bộ hỏi thật có năm để làm Biến hành hay không.

Luận: “Thành giáo chánh lý làm định lượng”.

Thuật rằng: Dưới đây đáp có hai đoạn:

1. Đáp chung.
2. Đáp riêng.

Do hai môn giáo và lý mà biết.

Luận: “Giáo trong đây”, đến “bốn là Biến hành”.

Thuật rằng: Tức là đáp riêng. Phần đầu là giáo đáp, phần sau là lý đáp. Du-già quyển 56 cũng dẫn kinh này để phá Kinh bộ, Đại thừa và Tiểu thừa cũng thừa nhận, tức là kinh A-hàm. Trước cũng nói kinh Khởi Tận, đây là kinh ban đầu. Tại sao trong đây chỉ nói bốn, nêu xúc ra làm y? Như trước phần thứ ba nói: Du-già tại sao chỉ nói xúc cũng với ba pháp thọ, tưởng và tư làm y. Nêu uẩn là thù thắng, tức là xúc sinh ba uẩn. Lại còn ẩn giấu tác ý không nói, tức là hành uẩn nhiếp, như thế thì nghĩa nào mà biết tác ý chắc chắn có?

Luận: “Lại nữa, Khế kinh nói”, đến “mới có thể sinh thức”.

Thuật rằng: Tức là kinh Tượng Tích Dự.

Luận: “Kinh khác lại nói”, đến “cũng là Biến hành”.

Thuật rằng: Kinh lại nói, là kinh Khởi Tận. Như trước đã dẫn trong quyển 3 Thức thứ tám và Biến hành. Hiền Dương dẫn kinh rằng: “Hằng cùng chung hòa hợp”. Quyển 55 cũng ghi: “Bốn vô sắc uẩn hằng hòa hợp”, tức là các kinh Luận không trái nhau, không lia tương ứng cho nên gọi là hòa hợp. Do đó mà biết tác ý cũng là Biến hành, cũng là bốn pháp trước.

Luận: “Đây là đồng với Thánh giáo, thành chứng không phải một”.

Thuật rằng: Đại Luận quyển 3 giải thích: “Căn không làm hoại cảnh hiện tiền”. Quyển 55 cũng ghi: “Năm Biến hành tâm sở, khắp tất cả tâm sinh”, quyển 3 cũng như vậy. Ngũ Uẩn và Bách pháp cũng đều nói như vậy, tức là thành chứng không phải một. Chỗ dẫn của quyển 55 là kinh, còn lại là Luận. Đây tức là giáo làm chứng.

Luận: “Lý nói rằng thức khởi”, đến “xúc một cảnh”.

Thuật rằng: Dưới đây dẫn lý làm chứng. Khi các thức khởi thì duyên cảnh nương căn tức là có ba hòa hợp. Ba hòa hợp quyết định sinh xúc, cũng do xúc mà có ba hòa hợp. Lại nữa, hoặc khi không có xúc thì tâm và tâm sở ly tán, không thể hòa hợp đồng xúc một cảnh. Hiện tại đã có ba hòa hợp cùng với tâm tâm sở hòa hợp đồng xúc cảnh cho nên phải có xúc, quyết định là Biến hành.

Luận: “Tác ý dẫn tâm”, đến “tâm đáng lẽ không có”.

Thuật rằng: Tánh của tác ý hay cảnh tỉnh tâm tâm sở, khiến đến với tự cảnh. Nếu không có tác ý này thì tâm không khởi, vì không khởi cho nên tâm hiện hành không có, không phải không có chủng tử.

Luận: “Thọ có thể lãnh nạp”, đến “không có tùy một”.

Thuật rằng: Ba tướng của hoan hỷ như phối hợp với ba cảnh thuận, nghịch và trung bình thì tức là ba thọ, vẫn còn lại có thể hiểu.

Luận: “Tướng có thể an lập”, đến “cảnh phân đồng với tướng”.

Thuật rằng: Nói rằng như chỗ nắm lấy là xanh thì chỗ duyên không phải không xanh và xứ trở lại phân đều tùy nhiều tùy ít, hoặc lớn hoặc nhỏ. Nghĩa của an lập, tức là thi thiết. Nếu không có tướng thì không thể nắm lấy cảnh sở duyên hoặc nhiều hoặc ít của tướng phân đều này, cho nên tướng quyết định có.

Luận: “Tư khiến cho tâm nắm bắt”, đến “cho nên phải có tư”.

Thuật rằng: Có thể nắm lấy chánh nhân. Đăng, là đồng lấy các tướng tà và câu tướng vi, như quyển 3 nói, cho nên là Biến hành.

Luận: “Do đây chứng biết”, đến “nghĩa đến sẽ nói”.

Thuật rằng: Tổng kết văn thứ ba chỗ thuyết minh trên. Nhưng pháp Kinh bộ không có riêng tâm sở, cho nên hiển năm tâm này khởi đều là sinh, như Hiển Dương quyển 1 dẫn chứng nói có. Còn lại dục... năm thứ, kinh không nói có. Vì lý không khắp sinh cho nên biệt cảnh nhiếp. Tánh và nghiệp của xúc... năm pháp, chỉ có quyển 3 trước nói, ngoài ra đều không phải nghĩa của Biến hành, như dưới đây sẽ rõ. Đây là kết pháp trước sinh pháp sau, tức là giải thích câu thứ nhất của bài tụng đã xong. Tiếp theo giải thích ba câu dưới, hợp chung có hai đoạn văn, đoạn trước lấy năm môn phân biệt, đoạn sau làm ví dụ cho môn khác.

Luận: “Tiếp theo biệt cảnh là dục”, đến “tuệ”.

Thuật rằng: Thứ nhất bày tên ra giải thích nghĩa biệt cảnh, giải thích ba chữ trên câu thứ hai, lấy hai chữ dưới và toàn câu thứ ba. Như vẫn giải thích riêng.

Luận: “Sở duyên sự cảnh”, đến “tiếp theo sơ thuyết”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ tư và giải thích lời nói tiếp theo. Giải thích tên biệt cảnh, nhưng riêng bốn cảnh mỗi mỗi đều có thể biết. Quyển 55 ghi: “Sở lạc, quyết định, tập quán, quán sát là bốn cảnh riêng”. Tiếp theo giải riêng năm pháp, kế đó nêu thể. Trong nêu thể có hai phần:

1. Nêu riêng.
2. Tổng phản đối Biến hành.

Luận: “Thế nào là dục”.

Thuật rằng: Từ đây xuống mỗi thứ đều có hai phần, phần đầu là hỏi, phần sau là đáp. Đây là hỏi. Trong đáp có ba phần:

1. Giải thích thể và nghiệp.
2. Mở rộng văn trước.
3. Phá các dị chấp.

Đây tức là hỏi.

Luận: “Đối với cảnh sở lạc”, đến “cần y làm nghiệp”.

Thuật rằng: Nhưng cần y như dưới đây nói và Luận Đối Pháp quyển 10 đều ghi: “Tín làm y của dục, dục làm y của tinh tấn, tức là nhập vào thứ lớp y của Phật pháp”. Nhưng dục đã thông ba tánh, tức là chỉ có thiện dục làm y. Hiện tại Luận này lại cũng giải thích cần là cần cù, nhiệm pháp thì giải đãi siêng làm các điều ác cũng là cần. Siêng quên các sự tức là dục và thắng giải. Hoặc nói tinh tấn, tinh tấn chỉ có thiện, cần thông với ba tánh, đều là dục làm y. Không phải chỉ có thiện cần, văn dưới đây nói dục có thể khởi chánh cần. Giải thích trước là thù thắng. Dưới đây ba sự giải thích, chỗ nói trong đó là tổng ý thứ nhất.

Luận: “Có nghĩa sở lạc”, đến “có hy vọng”.

Thuật rằng: Đó là cảnh đáng ưa thích, nghĩa là sự Hữu lậu và Vô lậu đáng ưa mới sinh nơi dục. Đây là căn cứ theo tình đáng ưa cho nên thông với ba tánh, không phải chỉ có Vô lậu mới thật là pháp đáng ưa. Đối với sự đáng ưa thì muốn thấy, muốn nghe, muốn hay, muốn biết, cho nên có hy vọng, tức là cảnh sở lạc trong bốn cảnh.

Luận: “Đối với sự đáng chán”, đến “lẽ nào không có?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Nói rằng khổ uest sự, người chưa đắc thì mong không hợp với nó, người đã đắc thì mong riêng lìa nó,

lẽ nào không phải có dục? Duyên sự đáng chán thì dục đã được sinh, tại sao chỉ nói đáng ưa mới sinh dục?

Luận: “Đây là chỉ duyên với nó”, đến “không phải sự đáng chán”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp: “Dục này không duyên với sự đáng chán”, nghĩa là dục này chỉ mong cầu sự đáng chán kia khi chưa hợp thì đừng hợp, đã hợp rồi thì được lìa. Tự thể đáng ưa, hoặc tự nội thân đáng ưa chưa hợp và sau khi lìa, nếu muốn cảnh bên ngoài, vị này tức là sinh duyên sự đáng ưa, không phải sự đáng chán.

Luận: “Cho nên đối với đáng chán”, đến “cũng không có dục khởi”.

Thuật rằng: Chỗ đáng chán tức là thông sáu thức, hoặc chỉ có Thức thứ sáu, dung chứa cảnh bên trong đó tám thức đều thông, hoàn toàn không khởi dục, vì không ưa điều đó, không phải đáng ưa. Cảnh tuy đáng ưa, nếu không hy vọng cũng không có dục khởi, chỉ có sáu thức trước. Như tà kiến khi bác bỏ diệt và đạo cũng không có dục.

Luận: “Có nghĩa sở lạc”, đến “cũng không có dục khởi”.

Thuật rằng: Sở lạc của sự thứ hai là cảnh sở cầu, tùy theo thể tánh của cảnh hoặc đáng ưa hay đáng chán, chỉ cầu trên sự đáng ưa kia, chưa được thì mong hợp, đã được thì muốn không lìa. Đối với sự đáng chán, chưa được thì muốn không được hợp, đã được thì muốn lìa riêng, đều được khởi dục, cho nên Luận chỉ nói cầu hợp và lìa. Đồng với lấy kia, tức là duyên với hai hợp lìa này đều được dục sinh, vẫn còn lại có thể hiểu, cho nên thể rộng đối với hợp, chỉ có Thức thứ bảy hoặc chỉ có Thức thứ sáu, vì có dục này, trong đó dung chứa cảnh hoàn toàn không khởi dục, tức là thông với tám thức, hoặc chỉ có sáu thức trước và Thức thứ tám, vì Thức thứ bảy thường mong cầu.

Luận: “Có nghĩa sở lạc”, đến “là hoàn toàn không có dục”.

Thuật rằng: Sở lạc của sự thứ ba là muốn quán cảnh, không chỉ cầu cảnh đó hoặc hợp hoặc lìa. Nhưng dục khởi ý tùy theo thức nào để muốn quán thì đều là dục sinh. Chỉ có sáu thức trước, hoặc chỉ có trong nhân của Thức thứ sáu, Thức thứ bảy và Thức thứ tám không có tác ý muốn quán cảnh, vì mặc tình tùy ý khởi, toàn đủ Thức thứ bảy, Thức thứ tám và một phần Thức thứ sáu. Nhưng tùy thế lực của nhân và cảnh mặc tình duyên là không có hoàn toàn không có dục khởi, ngoài ra đều là dục sinh.

Luận: “Do lý thú này mà dục không phải Biến hành”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Trong ba giải thích này, giải thích

thứ ba là hay hơn hết, vì cảnh có chút ít rộng hơn, tức là Thức thứ bảy và Thức thứ tám không có lý của dục sinh, chính là hợp với nghĩa của sư thứ tư trong bảy thức trước.

Luận: “Có thuyết phải do”, đến “làm gốc của các pháp”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là phá chấp. Tát-bà-đa nói phải do có thế lực của dục hy vọng cảnh thì các tâm và tâm sở mới nắm lấy sở duyên. Nếu không hy vọng thì làm sao nắm lấy cảnh? Tức là dục khắp các tâm, dục làm gốc của các pháp, là làm chứng nghĩa dục có khắp.

Luận: “Luận kia nói không đúng”, đến “tâm và tâm sở”.

Thuật rằng: Hiện tại phá không đúng. Tâm đồng nắm lấy công sức tác ý của cảnh, cảnh tỉnh tâm và tâm sở khiến cho nắm lấy sở duyên, như trước đã nói. Thánh giáo chỉ nói tác ý có thể sinh thức, không nói dục có thể sinh tâm, cho nên biết tác ý khiến tâm đồng nắm lấy cảnh, đâu cần đợi gì ở dục!

Luận: “Như nói các pháp”, đến “đều do ái sinh”.

Thuật rằng: Điều này khó nói. Kinh cũng nói ái làm gốc của các pháp. Lại nữa, tất cả tâm đều do ái mà có? Nếu nói như ái không phải sinh khắp các tâm thì tại sao nói dục làm gốc của các pháp? Thuận Chánh Lý quyển 10 đã dẫn rộng kinh này, cho đến chưa nói giải thoát kiên cố cứu cánh Niết-bàn.

Luận: “Cho nên nói dục làm”, đến “cần y làm nghiệp”.

Thuật rằng: Chỗ nói trong kinh, nói rằng chỗ khởi tất cả sự nghiệp của dục, do dục làm căn bản của nó, thông với ba tánh pháp đều có cần. Do văn này mà biết, nhập pháp đầu tiên là do thiện pháp dục có thể phát tinh tấn, do tinh tấn trở thành tất cả thiện sự của dục. Đây là nói dục làm gốc của các thiện pháp. Như nói tín làm gốc của pháp, đó chỉ là thiện nhân. Dục làm gốc của pháp, lý đáng lẽ như vậy. Luận Đối Pháp quyển 15 ghi: “Dục làm căn bản của tất cả pháp, cho đến xuất ly làm hậu biên”, cho nên Luận Đối Pháp và Hiển Dương đều ghi: “Cần y làm nghiệp”. Dục duyên thông ba đời, vì dục khởi ý quán cho nên không phải chỉ có vị lai. Lấy mỗi ba đời của ba sư trước phân rõ từng đời có thể biết.

Luận: “Tại sao thắng giải”, đến “dẫn chuyển làm nghiệp”.

Thuật rằng: Phần văn này như một đối với dục.

Luận: “Nói tà và chánh”, đến “không thể dẫn chuyển”.

Thuật rằng: Nghĩa là thắng giải này do lực của tà giáo, tà lý và tà chứng, hoặc lực của chánh giáo, hoặc không phải lực của tà chánh giáo lý chứng, tức là khắp sở duyên. Đối với cảnh bị nắm lấy, quán sát quyết

định ấn trì sự này như vậy, ngoại trừ không như vậy để sinh thắng giải. Hoặc giáo là dạy bảo, hoặc là ngôn thuyết, chỉ do chuyển tập quán. Lý là có đạo lý này, không phải nói chân thật lý của bốn Đế, tức là nhiếp tất cả sự và chân lý. Nói gỗ này là lý của gỗ, cho đến tất cả cũng như thế. Chứng tức là tu thiền định, hoặc tâm hiện lượng của các thức có thể thẩm sát quyết định đều có thắng giải, do đạo lý này mà sinh ấn khả. Lại có duyên khác nữa không thể dẫn chuyển, khiến cho trong tâm này càng sinh ra nghi hoặc.

Luận: “Cho nên cảnh do dự”, đến “không phải Biến hành”.

Thuật rằng: Tức là trong nghi tâm không có hoàn toàn thắng giải khởi. Trong nhiễm tâm thì không có phần ít, không phải tâm thẩm sát quyết định thì cũng không có thắng giải, liền thông với ba tánh tâm.

Luận: “Có nói tâm”, đến “đều có thắng giải”.

Thuật rằng: Thuận Chánh Lý nói, có sư khác nói. Hiện tại giải thích trong đây là sư khác của Tát-bà-đa và các dị kế chấp của Đối Pháp nói. Khi tâm nắm lấy cảnh thì không có câu thúc chướng ngại, cho nên đều có thắng giải, là không đồng với Đại thừa ấn trì cảnh quyết định gọi là thắng giải, tức là trong nghi tâm hoàn toàn không có thắng giải này. Tông ta chỉ nói không có vật câu thúc chướng ngại tâm, khiến cho tâm đối với cảnh có thể duyên, tức là thắng giải, cho nên thuộc về Biến hành.

Luận: “Luận kia nói phi lý”, đến “tức là tâm”.

Thuật rằng: Ông nói không câu ngại, hoặc là có thể chẳng ngại gọi là thắng giải. Trừ tâm và tâm sở pháp ra đều là có thể chẳng ngại, cùng với tâm và tâm sở làm tăng thượng duyên thì đều là chẳng ngại. Hoặc là sở bất ngại, tức là tâm và tâm sở đều là sở bất ngại, cho nên nói các tâm đồng nắm lấy tâm sở. Thế nào chỉ có một pháp? Hoặc họ chống chế rằng, nhưng do lực tăng thắng của thắng giải, phát khởi tâm không bị chướng ngại.

Luận: “Phát khởi thù thắng là căn tác ý”.

Thuật rằng: Phát khởi thù thắng lực của hai pháp nhân căn và tác ý, đâu có quan hệ gì với thắng giải! Hoặc họ chống chế rằng, hai thứ tự lực của căn và tác ý, không thể làm phát khởi thù thắng tâm và tâm sở, vì cũng do lực của thắng giải này mà căn và tác ý kia mới có thể phát khởi.

Luận: “Hoặc do đây cho nên”, đến “liền có lỗi vô cùng”.

Thuật rằng: Cũng đáng lẽ thắng giải phải tự không có lực để làm phát khởi thù thắng, phải chờ các pháp khác mới có thể phát khởi thù

thắng, vì là tâm sở, như tác ý của ông. Nếu thừa nhận thắng giải phải chờ pháp khác thì liền có lỗi vô cùng. Nếu thắng giải không chờ pháp khác thì tác ý cũng phải như vậy. Nhưng vì ẩn khả là tướng của thắng giải cho nên nghi trong tâm không được khởi. Hoặc nói tâm khởi quyết định là có, nhưng tướng ẩn thì lấy gì để biết. Hoặc lấy các vị khác so sánh với vị này mà có thì các vị khác có tầm và tứ, các Địa trên cũng phải có, nhưng tướng ẩn cho nên không thể biết, như vậy là lỗi lớn, tức là chỉ có cảnh quyết định khởi thắng giải.

Luận: “Thế nào là niệm”, đến “định nương làm nghiệp”.

Thuật rằng: Cho nên vết tích của bốn pháp, niệm là nhân của định.

Luận: “Nói rằng tâm sở nhớ giữ”, đến “có thể dẫn định”.

Thuật rằng: Giải thích lại nghiệp dụng. Đã là cảnh sở thọ thì trong niệm hoặc đã có thọ thể của nó, hoặc chưa được thể, chỉ thọ loại của nó, như Vô lậu duyên nhiễm ô tâm, tức là thân cận nắm lấy gọi là duyên thể của họ. Cõi khác duyên thì đồng với trong đó nhiếp. Hậu đắc trí duyên Hữu vi Vô lậu thì gọi là niệm thể của nó, duyên Chân như thì gọi là duyên tên loại của nó. Khi vô phân biệt trí duyên Chân như thì gọi là duyên thể của nó, ban đầu khởi một niệm gọi là duyên loại của nó. Tuy chưa từng thọ hoặc đã từng thọ tên, trong gia hạnh đạo khởi lên quán đó, gọi là thể, cũng gọi là loại của nó, khiến cho tâm nhớ rõ đây để mà sinh định. Do tăng thêm nhiều, vì định chuyên chú, tức là chỉ có thiện niệm sinh chánh định. Nếu tán tâm niệm thì không phải sinh định.

Luận: “Đối với đã từng và chưa thọ”, đến “hoàn toàn không khởi niệm”.

Thuật rằng: Giải thích đã từng và chưa thọ. Hoặc thể hoặc loại, như Niết-bàn hoàn toàn không khởi niệm, tức là sự khởi niệm thông với duyên ba đời, phần nhiều đối với quá khứ, cũng niệm vị lai, phù hợp với các cảnh sở thọ trước. Hoặc đã từng nghe nói tên Niết-bàn mà khởi niệm, cũng gọi là đã từng thọ loại của cảnh đó mà khởi niệm. Hoặc không nghe, tâm duyên tản mạn thì liền không có niệm khởi.

Luận: “Nếu đã từng sở thọ”, đến “chỗ nhiếp của Biến hành”.

Thuật rằng: Loại này không phải một. Tuy nghe Niết-bàn và cảnh của Thức thứ bảy, Thức thứ tám không nhớ rõ cho nên cũng không sinh niệm.

Luận: “Có nói tâm khởi”, đến “nhân của nhớ nghĩ”.

Thuật rằng: Nhưng sư Kinh bộ không nói có khắp, chỉ có sư Tát-bà-đa và văn quyển 10 của Luận Chánh Lý, có thuyết nói mất niệm thì

loạn tâm, tức là không có niệm cho nên không phải Biến hành. Họ lại nói, lấy sau khi có nhớ nghĩ, thuyết minh có niệm hiện tại làm nhân của niệm sau.

Luận: “Luận kia nói phi lý”, đến “trước cũng có”.

Thuật rằng: Hiện tại phá kế chấp đó. Không đối với sau khi có nhiễm si và thiện tín. Hiện tại có loại đó cũng làm nhân sau. Hoặc nói sau khi sinh si thì cũng là si trước làm nhân, tức là niệm không có khắp tâm, như si. Nếu như thế thì như Tự chứng phần làm nhân của nhớ nghĩ sau, biết nhớ nghĩ trước cũng có. Niệm cũng phải như thế thì không đúng, trên tâm thừa nhận trước đã có thể lại lập thêm dụng nữa. Hiện tại đã không thừa nhận trước có thể của niệm thì niệm sau mới sinh, tại sao được lấy niệm làm ví dụ cho tâm?

Luận: “Tâm tâm sở trước”, đến “nhân của nhớ nghĩ”.

Thuật rằng: Tâm nắm lấy cảnh đã huân tập công năng và bản thức, đủ để làm nhân sau khi có nhớ nghĩ, đâu cần phải niệm hiện tại thuận sinh với niệm sau. Hoặc tưởng nắm lấy ảnh tượng làm thù thắng, làm nhân sau khi sinh niệm đủ để đắc, đâu phải chờ có niệm hiện tại niệm sau mới sinh.

Luận: “Tại sao làm định?”, đến “trí nương làm nghiệp”.

Thuật rằng: Có thể sinh trí, đây là theo phần nhiều mà nói, không phải nói tất cả, tức là như định sau khi khởi si tâm.

Luận: “Nói rằng quán đức và lỗi”, đến “quyết trạch trí sinh”.

Thuật rằng: Tâm chuyên một cảnh, nương theo giáo mà duyên, tâm chứng giải sở duyên thì liền sáng tịnh, do đây mà có Vô lậu trí sinh. Tướng đức và lỗi của năng tri và sở duyên, phỏng theo vết tích của bốn pháp, định có thể sinh trí, không phải định thì không phải như vậy.

Luận: “Tâm chuyên chú mà nói”, đến “không phải chỉ có một cảnh”.

Thuật rằng: Đây là theo sự chuyên chú mà nói, không phải định tâm chỉ duyên một vật, tức là tùy theo cảnh chỗ chú tâm nhiều hoặc ít, hoặc riêng một sát-na chỗ muốn chú tâm, nắm lấy sâu xa định sở duyên thì liền được sinh, không phải trước và sau chỉ duyên một cảnh.

Luận: “Không như thế thì kiến đạo”, đến “đáng lẽ không có đẳng trì”.

Thuật rằng: Tướng kiến đạo của nó là mười sáu tâm, quán cảnh đáng lẽ không có đẳng trì, vì phải trước sau chỉ duyên một cảnh, mỗi niệm của nó đều trụ tại tâm của nó, đối với một cảnh chuyên sâu nắm lấy sở duyên cho nên có định.

Luận: “Hoặc không trói buộc tâm”, đến “cho nên không phải Biến hành”.

Thuật rằng: Tức là tán loạn tâm, không chuyên chú thì liền không có định khởi. Thức thứ bảy của nó tuy cũng duyên riêng, nhưng không chuyên chú tâm đối với cảnh chuyển, không nắm lấy sâu xa, cho nên không phải định đồng thời. Như quyển 5 trước đã nói, cho nên Luận kia cùng với đây không có lỗi tương vi. Đây là thừa nhận cảnh thay đổi cũng gọi là định, vì có thể nắm lấy sâu xa.

Luận: “Có thuyết nói lúc đó”, đến “nên nói lời thành thật”.

Thuật rằng: Khi loạn tâm của sư Chánh Lý cũng có định khởi, nhưng tương vi tế ẩn cho nên khó biết. Bây giờ chất vấn họ rằng: Nên nói lời thành thật, thành thật là thành thật để, hư ngôn nói có lý cũng chưa có thể thông được, phải duyên với thật ngôn để khiến ta biết có.

Luận: “Nếu định có thể khiến”, đến “là dụng của xúc”.

Thuật rằng: Hoặc họ chống chế rằng, định có thể khiến cho các tâm hòa hợp đồng đến một cảnh, tâm khởi thì đều có cho nên là khắp. Lý đó cũng không đúng, vì xúc có thể hòa hợp tâm và tâm sở pháp khiến cho không chia lìa, đồng một duyên.

Luận: “Hoặc nói rằng định này”, đến “không có nghĩa biến đổi”.

Thuật rằng: Lại nữa, nếu ông nói khiến cho khoảng sát-na có thể trụ một cảnh, tâm không biến đổi duyên cho nên Biến hành nhiếp, lý cũng không đúng. Tâm một sát-na, tự nhiên đối với một cảnh không có nghĩa biến đổi thì đâu cần định như thế. Không phải một niệm tâm duyên cảnh này lại có thể duyên thêm cảnh kia, Luận kia nói không đúng. Tánh của tâm bất định, không phải chỉ một niệm có thể trụ một cảnh. Do kinh này nói tâm như khỉ vượn, khó cấm ngăn được nó, cho nên nếu một niệm trụ một cảnh thì đây là do định tâm sở mà có như thế.

Hỏi: Luận kia nếu không có định thì tâm một niệm cũng biến đổi duyên hay không?

Đáp: Luận kia nói nếu không có định tâm trụ một cảnh thì tâm... không có tâm tự thành nhiễm. Ví dụ này không đúng.

Hỏi: Chuyên chú sở duyên là do định mà có, tâm trụ cảnh lẽ nào giả mượn định như thế?

Đáp: Không thể cho rằng tham không có mà không thành nhiễm, khi không có định thì không lúc nào mà tâm không duyên lự, tâm của sự duyên lự tự thành trước hết, lẽ nào lại giả mượn các pháp khác!

Tâm sát-na trụ cảnh của nó cũng như thế. Hoặc khi duyên lự thì phải trụ cảnh, nhưng muốn nắm lấy sâu xa cảnh thì phải mượn định mới có thể, do đây tâm không giả mượn định, vì trong một niệm, tâm có thể trụ cảnh.

Luận: “Nếu nói do định”, đến “nắm lấy sở duyên”.

Thuật rằng: Họ lại chống chế rằng, khiến cho tâm nắm lấy cảnh, gọi đó là định. Vấn nạn họ rằng: “Khiến cho tâm nắm lấy cảnh là công sức của tác ý”. Như trước đã nói, như Chánh Lý Luận quyển 11 chống chế nói rộng hơn.

Luận: “Có nói định này”, đến “tâm nhất cảnh tánh”.

Thuật rằng: Đây là của sư Kinh bộ, lấy ba học của kinh nói là tâm học, trong chi Tĩnh lự nói là tâm nhất cảnh tánh, cho nên lìa tâm thì không có.

Luận: “Luận kia không phải chứng thành thật”, đến “cho rằng họ nói”.

Thuật rằng: Phá này không đúng. Tâm học là nương nhiếp tâm, tâm nhất cảnh, là khiến cho tâm trụ một cảnh, cho nên nói là tâm, không phải thế tức là tâm.

Luận: “Chi căn lực học”, đến “không phải tức là tâm”.

Thuật rằng: Trong các chi năm căn, năm lực, bảy giác và tám đạo nói riêng. Định không phải tức là tâm, như niệm, tuệ. Các pháp niệm và tuệ, thể của nó là tư. Nhưng không phải tức tâm cho nên lấy làm ví dụ. Tỷ lượng trong đó như vẫn có thể hiểu, cũng như Luận Chánh Lý quyển 11 xiển dương rộng.

Luận: “Thế nào là tuệ”, đến “đoạn nghi làm nghiệp”.

Thuật rằng: Đây là nói thắng tuệ, cho nên nói đoạn nghi. Nghi tâm đồng thời cũng có tuệ, đến sau sẽ biết.

Luận: “Quán là đức và lỗi”, đến “không phải thuộc về Biến hành”.

Thuật rằng: Giải thích nghĩa của nghiệp là không phải Biến hành, nhưng trong tâm ngu muội không có, không phải tất cả ngu đều không có, vì tà kiến là si tăng thượng. Hiện tại chỉ có ngu mà muội tâm thì không có, ngu bất muội hoặc là có thể có. Thức thứ tám có muội mà không ngu cũng không có tuệ. Các sư Chánh Lý nói v.v...

Luận: “Có nói lúc đó”, đến “trời yêu thương làm sao biết?”

Thuật rằng: Nhưng tương vi tế ẩn, Luận kia lúc đó cũng có. Hiện tại nên hỏi đó rằng, trời yêu thương làm sao biết?

Luận: “Luận Đối Pháp nói làm đại địa pháp”.

Thuật rằng: Trời yêu thương chống chế rằng, Phát Trí và Lục Túc cùng với tông của ta gọi chung là Đối Pháp. Đối Pháp nói làm đại địa pháp.

Luận: “Các bộ và Đối Pháp”, đến “chấp làm định lượng”.

Thuật rằng: Hiện tại nên vấn nạn rằng, các bộ và Đối Pháp lần lượt trái nhau, không phải chỗ nói căn bản của Phật. Ông tại sao chấp Đối Pháp cho là định lượng? Tổng phản đối các bộ, đoạn lớn thứ hai ngăn trách là Biến hành.

Luận: “Chỉ có xúc... năm pháp”, đến “không nên cố chấp”.

Thuật rằng: Chỉ có năm pháp là Biến hành, như trước dẫn kinh, nói kinh Thập Phi. Không nên cố chấp, phải nương vào kinh gốc, không phải theo Luận ngọn. Biệt thuyết đã xong, tiếp theo tổng kết.

Luận: “Nhưng dục... năm pháp”, đến “như tín, tham...”.

Thuật rằng: Tỷ lượng trong đây, dục... năm pháp quyết định không phải Biến hành, không phải xúc... năm pháp, như tín, tham... Đoạn lớn thứ ba thuyết minh dục... năm pháp sinh một mình hoặc cùng sinh.

Luận: “Có nghĩa năm pháp này”, đến “chắc chắn có bốn pháp khác”.

Thuật rằng: Ý của sư này nói, dục... năm pháp này, nếu một khởi thì còn lại bốn pháp khác, khi tương trợ lẫn nhau thì mới có tác dụng chuyển, cả năm pháp đồng thời sinh. Nếu khi một pháp không khởi thì bốn pháp còn lại đều không khởi. Đây là nghĩa của An Tuệ, các sư phương Tây cùng chê trách. Luận nói bốn cảnh có thể sinh dục, như thế nào năm pháp này quyết định có thể đồng thời sinh? Lại nữa, hoặc có cảnh không từng là sở thọ, chỉ nghe tên thù thắng của cảnh này thì liền sinh hy vọng, vì sao có niệm? Vì không chuyên chú, cho nên làm sao mà có định! Không ấn định phải quấy thì cũng không có thắng giải, cho nên chắc chắn không đồng thời. Luận kia nói bốn cảnh có thể sinh dục, là phỏng theo hành tướng của năm pháp dục... tăng thượng mà nói. Nói rằng dục chỉ đối với cảnh đáng ưa thích tăng thượng, cho nên nói thiên về nó, không phải thật trong đó không có vi tế còn lại, cho nên tương trợ nhau.

Luận: “Có nghĩa bất định”, đến “không có hai pháp sau”.

Thuật rằng: Khởi năm pháp dục... hoặc câu hoặc bất câu, do đó mà biết. Du-già quyển 3 nói bốn tất cả, nói năm pháp này không có hai pháp sau, pháp thứ ba là thời, pháp thứ tư là câu, chưa phải câu. Nếu nói hành tướng của dục... không đồng thời tăng, cho nên Luận kia không nói câu. Năm thể đã đồng thời có thì chỗ kia nên nói.

Luận: “Lại nữa, nói năm pháp này”, đến “không phải định đồng thời”.

Thuật rằng: Quyển 55 ghi: “Dục... năm pháp này, duyên bốn cảnh mà sinh sở lạc, quyết định, tập quán, sở quán. Bốn cảnh sở duyên và dục năng duyên không phải là đồng thời. Luận nói năm pháp này nương bốn cảnh mà sinh, nếu bốn cảnh không phải đồng thời thì dục... chưa hẳn đồng thời. Sở duyên và năng mỗi mỗi đều không phải định đồng thời, không phải là tương trợ, nghĩa này như thế nào?”

Luận: “Nên nói năm pháp này”, đến “chỉ khởi nhớ nghĩ”.

Thuật rằng: Năm pháp dục... này khi duyên bốn cảnh, hoặc khi khởi một đối với cảnh ưa thích thì chỉ khởi xúc, cảnh không phải tập quán cho nên không có niệm khởi. Cảnh không quyết định cho nên không có thắng giải. Không phải cảnh sở quán cho nên không có định và tuệ. Cảnh ưa thích này đã lựa riêng ra như vậy, tiếp theo ba cảnh còn lại căn cứ theo đây có thể biết.

Luận: “Hoặc đối với sở quán”, đến “có định không có tuệ”.

Thuật rằng: Đối với cảnh thứ tư chỉ khởi chuyên chú.

Hỏi: Cảnh của định và tuệ, đồng với hai cảnh trước là đồng thời có, tại sao được sinh riêng?

Đáp: Nói rằng loại ngu muội cực ngu si, là vì muốn thu nhiếp tâm thô động mà chuyên chú hệ niệm, không phải chọn lựa ra đạo lý của các pháp, chỉ có học duyên giữa chặng mày để trụ tâm, trong thời gian này không có tuệ. Người trong thế gian đều cùng biết điều đó có định mà không có tuệ. Nếu như thế thì cảnh này tại sao gọi là sở quán? Nói sở quán là cảnh của tuệ, lấy bản thức mà nói thì định duyên sở quán thì chắc chắn là cảnh của tuệ.

Luận: “Gia hạnh vị của nó”, đến “duyên cảnh sở quán”.

Thuật rằng: Người ngu muội này trong gia hạnh vị thu nhiếp tâm có chút ít Văn tuệ và Tư tuệ, hoặc nương vào lời của sư truyền nghe nói mà thu nhiếp tâm ở giữa chặng mày; hoặc một mình tìm kinh Luận đọc thấy lời dạy thu nhiếp tâm mà có chút ít chọn lựa. Nhưng khi thu nhiếp tâm chỉ trụ sở duyên, buộc tâm giữa chặng mày thì không thể chọn lựa, định này là cảnh sở duyên. Từ trước gia hạnh vị, nói tên là cảnh sở quán.

Luận: “Hoặc nương phần nhiều”, đến “loại của nó rất nhiều”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ hai. Hoặc cảnh sở quán nhiều định và tuệ đồng thời. Người ngu muội này tuy không có tuệ tâm sở, từ phần nhiều khác cho nên nói định cảnh gọi là sở quán. Như trong

cõi Dục, chư Thiên quá vui mà quên niệm, vì nhiều đam mê ô nhiễm cho nên chuyên chú một cảnh, ý chư Thiên sân khuể, mắt ganh tị nhìn nhau chuyên tâm cho đến chết. Lại nữa, nếu khởi tham hoặc sân đối với người khác thì chỉ có chuyên chú mà không có chọn lựa, vì cũng là si nhiều, loại đó rất nhiều. Nếu ngu si ám muội này nhiều, chỉ có định cho nên đối với sở quán khởi một định.

Luận: “Hoặc đối với sở quán”, đến “đuổi rong tán loạn tìm cầu”.

Thuật rằng: Hoặc chỉ khởi tuệ. Nói rằng trạo cử nhiều thì không chuyên một cảnh. Đuổi rong tán loạn tâm đó để tìm cầu pháp tướng hoặc sự lý, chỉ có tuệ không có định, cũng là chỗ thành chung của thế gian, tức là trong bốn cảnh mỗi mỗi đều khởi riêng. Chỗ không có lẫn nhau qua lại của cảnh, hợp chung có năm loại.

Luận: “Hoặc có khi khởi hai pháp”, đến “hợp chung có mười hai”.

Thuật rằng: Đây là nói đối với cảnh chỉ có đủ hai nghĩa, cho nên nói khởi hai pháp. Hiện tại Luận này nói hoặc đối với hai cảnh khởi hai pháp, tức là lấy sở lạc làm phần đầu hợp chung còn có bốn pháp, hiện tại Luận này chỉ nêu sở lạc hợp với dục, nghĩa là sở lạc và quyết định là chỗ hợp ban đầu chung khởi với dục và thắng giải, lấy sở lạc và cảnh tập quán hợp chung khởi với dục và niệm, lấy sở lạc và sở quán hợp chung khởi với dục và định, lấy sở lạc và sở quán hợp chung khởi với dục và tuệ. Tiếp theo lấy quyết định làm phần đầu hợp chung còn có ba pháp, nghĩa là lấy quyết định và cảnh tập quán hợp chung khởi với giải và niệm, lấy quyết định và sở quán hợp chung khởi với giải và định, lấy quyết định và sở quán hợp chung khởi với giải và tuệ. Tiếp theo lấy tập quán làm phần đầu hợp chung có hai pháp, nghĩa là lấy tập quán và sở quán hợp chung khởi với niệm và định, lấy tập quán và sở quán hợp chung khởi với niệm và tuệ. Tiếp theo lấy sở quán đồng khởi với định và tuệ làm một. Hiện tại Luận này có ba pháp, hai pháp đầu và một pháp sau, tổng hợp vì trước có mười pháp và hai tâm sở.

Luận: “Hoặc có khi khởi là ba”, đến “cộng chung có mười và ba”.

Thuật rằng: Đây là nói đối với bốn cảnh khởi ba tâm sở, có mười loại:

1. Trước hết lấy sở lạc làm đầu hợp chung khởi với pháp còn lại có sáu, Luận chỉ nêu ra một, nghĩa là đối với sở duyên, quyết định và tập quán hợp chung khởi với ba tâm sở dục, giải và niệm.

2. Lại lấy sở lạc, quyết định và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở dục, giải và định.

3. Lại lấy sở lạc, quyết định và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở dục, giải và tuệ.

4. Lại lấy sở lạc, tập quán và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở dục, niệm và định.

5. Lại lấy sở lạc, quyết định và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở dục, giải và tuệ.

6. Lại lấy sở lạc và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở dục, định và tuệ.

7. Như vậy lấy quyết định đứng đầu có ba, nói rằng đối với quyết định, tập quán và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở giải, niệm và định.

8. Lại đối với quyết định, tập quán và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở giải, niệm và tuệ.

9. Lại lấy quyết định và sở quán hợp chung khởi với ba tâm sở giải, định và tuệ.

10. Như vậy đối với tập quán và sở quán khởi ba tâm sở niệm, định và tuệ. Cộng chung tổng quát bốn cảnh khởi dục có mười loại và ba tâm sở. Trong đây chỉ nêu một pháp đầu và một pháp sau.

Luận: “Hoặc có khi khởi là bốn”, đến “cộng chung là năm và bốn”.

Thuật rằng: Nghĩa là đối với bốn cảnh và bốn tâm sở lẫn nhau trừ bỏ một.

1. Trước hết đối với bốn cảnh sở lạc, quyết định, tập quán và sở quán khởi bốn tâm sở đầu trừ tuệ.

2. Như vậy đối với bốn cảnh trước trừ bỏ định lấy tuệ và trong bốn cảnh như vậy trước trừ ra tập quán, tức là đối với ba cảnh khởi bốn tâm sở.

3. Trừ bỏ niệm lấy định, như vậy trong bốn cảnh trừ bỏ quyết định, trong ba cảnh khởi bốn tâm sở.

4. Trừ bỏ thắng giải lấy niệm, như vậy bốn cảnh trừ bỏ sở lạc, trong ba cảnh khởi bốn tâm sở.

5. Trừ bỏ dục lấy thắng giải, tức là lẫn nhau trừ bỏ một. Cộng chung bốn cảnh khởi cũng có năm loại và bốn tâm sở. Trong đây chỉ nêu ra sau một và đầu một. Mỗi mỗi giải thích như trước có thể biết.

Luận: “Hoặc có khi khởi là năm”, đến “khởi đủ năm loại”.

Thuật rằng: Văn dễ hiểu.

Luận: “Như vậy là đối với bốn”, đến “ba mươi một câu”.

Thuật rằng: Hợp chung với trước mỗi mỗi đều khởi riêng, cho đến khởi năm tâm sở, tổng cộng có ba mươi một câu. Chỗ nói trong đây đều căn cứ theo nhân vị.

Luận: “Hoặc có tâm vị”, đến “loại này rất nhiều”.

Thuật rằng: Sáu thức trong một thời có năm tâm sở đều không khởi, nếu như không phải bốn cảnh hiện tiền, đối với cảnh tán nghi thì tâm chợt hiện khởi sáu thức đều không có dục... năm tâm sở này. Đây là nêu ra thô hiển cho đến Đẳng lưu cũng có sự này, cứ theo nghĩa mà nên biết. Hoặc Thức thứ tám đồng thời năm tâm sở này cũng không có. Thức thứ bảy có tranh cãi như trước, cho nên dục chắc chắn không đồng thời với định. Từ đây xuống phần thứ tư phân biệt tám thức.

Luận: “Thức thứ bảy và Thức thứ tám”, đến “đã nói như trước”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy và Thức thứ tám này, hoặc nhân hoặc quả vị, hoặc có hoặc không, như trước đã nói.

Luận: “Ý thức thứ sáu”, đến “đều không ngăn trách”.

Thuật rằng: Hoặc tại trong nhân, hoặc năm câu khởi, hoặc mỗi mỗi đều sinh riêng, hoặc tại quả xưa nay có định. Trong đây tức là các vị dung chứa Hữu, hoặc đã chuyển y hoặc chưa chuyển y đều không ngăn trách.

Luận: “Có nghĩa năm thức”, đến “không có chọn lựa”.

Thuật rằng: Năm thức này đều không có. Năm thức duyên hiện tại đã được pháp khởi, tùy ý duyên cho nên không có dục, dục duyên chưa được cảnh thì tác ý hy vọng sinh, cho nên năm thức không có. Năm thức tùy ý duyên cảnh, thắng giải phẩm quyết ấn trì, cho nên năm thức không có thắng giải. Năm thức sát-na hằng nắm lấy cảnh mới, không duyên quá khứ, do đó cảnh mới sinh. Không có truy nhớ, cho nên không có niệm. Năm thức như Luận Đối Pháp cuối quyển 1 nói, tự tánh động loạn không chuyên chú, cho nên không có định. Năm thức không thể suy lường, không có quyết trạch cho nên không có tuệ. Sự này cho rằng thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông là Ý thức tương ứng với tuệ. Luận Du-già nương theo thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông đồng thời Ý thức tương ứng với trí mà nói là tánh chung. Sự sau thì hai thức kia làm sở y, trí làm năng y cho nên có tuệ.

Luận: “Có nghĩa năm thức”, đến “niệm cảnh loại”.

Thuật rằng: Sự thứ hai nói năm thức cũng không phải quyết định có các pháp này. Nhưng hoặc có khi dung chứa thì đều có đủ. Hoặc Ý thức trên, tăng thượng hy vọng cảnh vị lai, tức là năm thức không có.

Duyên cảnh hiện tại do ý dẫn sinh, hy vọng yếu kém cũng ưa thích cảnh hiện tại cho nên có dục. Thức thứ tám không phải ý dẫn, mặc tình mà sinh, đối với cảnh không sinh ưa thích cho nên không có dục. Năm thức tuy không có tăng thượng thẩm sát cảnh như Thức thứ sáu, do ý dẫn cho nên cũng có nghĩa ấn trì cảnh yếu kém. Năm thức tuy không có như niệm của Thức thứ sáu đã từng niệm thể của sở thọ cảnh, cũng có Ý thức dẫn trên cảnh hiện tại yếu kém. Cảnh hiện tại là loại của quá khứ, nghĩ niệm hiện tại cho nên cũng có niệm. Hoặc Thức thứ sáu cũng niệm quá khứ từng thọ thể của cảnh, cũng niệm hiện tại từng thọ thể của cảnh cho nên là tăng thượng, đều là ý dẫn sinh.

Luận: “Tuy không tác ý”, đến “cho nên dung chứa của định”.

Thuật rằng: Năm thức tuy không có như Thức thứ sáu khởi gia hạnh ý hệ niệm hằng định đối với một cảnh, cũng có nghĩa của sáu thức dẫn yếu kém chuyên chú cảnh hiện tại, cho nên đồng thời có định. Trong Tập Tập Luận ngăn trách Hữu lậu năm thức có thể nhập định Tam-ma-tứ-đa dẫn sinh. Không ngăn trách Tam-ma-địa trì giữ định. Nói rằng đẳng trì thông với định và tán loạn, có nghĩa là chỉ chuyên chú cảnh. Đẳng dẫn chỉ có định tâm tác ý chuyên chú. Nói đẳng dẫn có hai nghĩa:

1. Dẫn bình đẳng cho nên gọi là đẳng dẫn, là chỗ có tánh của phân vị an hòa trong thân tâm. Khi bình đẳng thì gọi đó là đẳng, đây là do định lực cho nên vị này sinh, dẫn sinh bình đẳng cho nên gọi là đẳng dẫn.

2. Đồng sở dẫn cho nên gọi là đẳng dẫn, là nói tại định vị thân tâm đều bình đẳng. Do gia hạnh khi nhập định thì thế lực của định chế phục trầm và trạo, gọi đó là đẳng, đẳng này dẫn sinh tại phần vị của định. Đây là định tâm sở tại định vị, từ gia hạnh trước mà được tên, gọi là đẳng dẫn, vì đẳng hay dẫn.

Đẳng trì, là bình đẳng trì giữ tâm chí đối với cảnh chuyển, gọi là đẳng trì, cho nên thông với định và tán loạn.

Đẳng chí, cũng có hai nghĩa:

1. Chí đẳng, là tại thế lực của định tâm sở khiến cho thân tâm đồng có tướng an hoà, đến đẳng vị này gọi là Đẳng chí.

2. Là nói Đẳng chí do năng lực của gia hạnh trước chế phục trầm và trạo mà đến phần vị an hòa này, gọi là Đẳng chí. Điều này cùng với đại nghĩa của đẳng dẫn có chút ít đồng nhau. Tiếng Phạm là Tam-ma-tứ-đa, đây dịch là đẳng dẫn. Tam-ma-địa đây dịch là đẳng trì. Tam-ma-bát-đề đây dịch là Đẳng chí.

Luận: “Tuy đối với sở duyên”, đến “có tuệ thì không có lỗi”.

Thuật rằng: Năm thức tuy không có sự suy lường nắm sâu, nhưng cũng có nghĩa quyết trạch yếu kém, cho nên có tuệ đồng thời. Do đây Đại Luận quyển 66 ghi: “Hai thông nhãn và nhĩ là hai thức tương ứng với trí, sự trước giải thích điều này như trước đã nói, vì hai thức đã có tuệ, làm ví dụ cho ba thức khác cũng như thế. Hoặc là Vô ký, hoặc là sinh đắc tuệ, hoặc gia hạnh tuệ, chỗ thành văn tư tu là do tuệ này hiển. Luận Phật Địa ghi: “Trừ lậu tận và thần thông, ngoài ra đều thông với Diệu quán sát trí, vì nhãn và nhĩ đồng thời với ý, cũng là hai thông, nhiều thời là tương tục không gián đoạn. Năm thức và tâm sở gián đoạn, chỉ nói ý đồng thời, phần nhiều là Diệu quán sát trí nhiếp.

Luận: “Vị chưa tự tại”, đến “năm thức này có định”.

Thuật rằng: Năm thức trong nhân hoặc có hoặc không có, không có năm thức nhiều thời này, mà có năm thức thiếu thời này. Ý thức thứ sáu có nhiều thời này, mà không có ít thời này.

Luận: “Ưu quán các cảnh”, đến “tác sự trí”.

Thuật rằng: Đây là giải thích Phật địa có dục vô giảm, văn đó có thể biết. Nhưng năm thức của Phật không đồng phạm phu, thừa nhận Phật cũng duyên ba đời mà khởi, cho nên biết có niệm duyên thể của cảnh đã từng thọ, không phải như trong nhân chỉ có niệm cảnh loại. Năm thức của Phật địa có tác sự trí, cho nên biết có tuệ. Trang Nghiêm Luận nói.

Luận: “Năm pháp biệt cảnh này thế nào là thọ tương ứng”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ năm là hỏi.

Luận: “Có nghĩa dục ba”, đến “không phải sở lạc”.

Thuật rằng: Dục thông đồng thời với tam thọ, trừ ưu thọ và khổ thọ, vì cảnh của hai thọ này là pháp bức bách mới sinh ưu khổ. Dục duyên với sở duyên cho nên không phải hai thọ đồng thời. Lại nữa, trong năm thức không có năm pháp này, dục không đồng thời khổ, ưu như trước đã nói.

Luận: “Bốn pháp còn lại thông với bốn”, đến “năm thức không có”.

Thuật rằng: Bốn tâm sở còn lại thông với bốn thọ trừ ra khổ. Bốn tâm sở thắng giải, niệm, định và tuệ không có trong năm thức, cũng không phải ý địa có khổ căn. Sự thứ nhất trong ý không có khổ, năm Vô dục là nghĩa của sự đó.

Luận: “Có nghĩa tất cả”, đến “câu muốn chứng”.

Sự thứ hai nói tất cả năm thọ đều là năm căn tương ứng, tại sao ưu

căn cùng với dục đồng thời? Du-già quyển 57, Luận Đối Pháp quyển 10 nói ưu căn đối với Vô thượng pháp suy nghĩ hãm mộ, muốn chứng chổ nhiếp của sầu lo, tức là thiện pháp dục cùng với ưu đồng thời, chứng ưu trong thời khác cũng được đồng thời.

Luận: “Thuần thọ khổ xứ”, đến “trước đã nói”.

Thuật rằng: Đây là làm chứng khổ đồng thời. Lại nữa, địa ngục thì toàn đủ, quỷ và súc thì phần ít thuần thọ khổ xứ. Như trước đã nói là ý có khổ lạc cũng mong cầu giải thoát, giải thoát là giải thoát khổ đó, cho nên dục đồng thời với khổ.

Luận: “Luận nói tham ái”, đến “chắc chắn có dục”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp quyển 7 và Du-già quyển 59 ghi: “Tham ái cùng với ưu và khổ tương ứng. Tham là cảnh trước của dục cho nên chắc chắn dục đồng thời, cũng biết dục tâm sở cùng với khổ và ưu đồng thời. Tức là đáp dục, ưu và khổ của sự trước.

Luận: “Khổ căn đã có”, đến “khổ đồng thời có lỗi gì?”

Thuật rằng: Như trước đã nói. Khổ căn tại ý, cho nên bốn pháp còn lại cũng được tương ứng. Đây là ngay nơi tha tông mà nói năm thức không có dục, cho nên nói tự Ý thức có nghĩa khổ căn.

Luận: “Lại nữa, năm thức đồng thời”, đến “nghĩa như trước đã nói”.

Thuật rằng: Đây là nói chánh nghĩa, năm thức đều có. Đã nói dục cùng với ưu và khổ tương ứng, cho nên chỉ nói bốn pháp cùng với khổ đồng thời. Điều như trước nói, có giải thích vi tế, năm thọ tương ứng.

Luận: “Do dục này mà năm thọ tương ứng”.

Thuật rằng: Tổng kết chánh nghĩa. Văn trên của Luận này đỗi theo vấn nạn phân biệt. Từ đây xuống là các môn phân biệt: Thứ sáu là ba tánh, thứ bảy là ba giới, thứ tám là ba học, thứ chín là ba đoạn, thứ mười là lậu và Vô lậu, thứ mười một là báo và phi báo.

Luận: “Năm tâm sở này lại nương”, đến “như lý nên suy nghĩ”.

Thuật rằng: Tự mình mặc tình tư duy lấy. Nhưng năm tâm sở cùng với phiền não và tùy phiền não tương ứng. Hữu lậu thiện tâm hoặc câu hoặc bất câu, dưới đây sẽ tự biết rõ. Không phải lấy sự mừng lo trong phiền não mà hiện hành riêng. Gia hạnh, sinh đắc duyên thế và Vô vi trong thiện khác nhau, cho nên không cùng nhau tương ứng. Năm Biến hành trước có tâm thì chắc chắn có. Thuyết minh thông tất cả, đều không có ngăn trách, chỉ đối với dục và các môn phân biệt, Luận quyển 6.

Luận: “Đã nói Biến hành”, đến “tương đó như thế nào?”

Thuật rằng: Trong thuyết minh tâm sở, dưới đây đoạn thứ hai, phần đầu kết trước hỏi sau.

Luận: “Tụng nói rằng”, đến “hành xả và bất hại”.

Thuật rằng: Từ đây xuống nương câu hỏi mà đáp riêng. Phần đầu nói tụng, phần sau giải thích, tức là phân làm hai. Nhưng tín của bách pháp sau nói là cần. Căn trong đây sau mới nói cần, cần y và nhân y để phân rõ thứ tự. Tín làm y của dục, dục làm y của cần. Đây là phỏng theo lập y để phân rõ thứ tự. Y căn và tinh tấn lập ba pháp xả, lý cần phải tương hợp, cho nên không đồng. Nói hành xả, đây là hành uẩn xả, vì khác với thọ xả. Nói phân làm hai, đến sau sẽ biết. Dưới đây trong Trường hàng văn riêng có ba đoạn:

1. Giải thích thiện đắc danh phá chấp của tông khác.
2. Nương vào tụng bày ra thể của thiện.
3. Phân rõ các môn.

Luận: “Chỉ có đồng thời với tâm thiện”, đến “định có mười một”.

Thuật rằng: Giải thích thiện đắc danh phá dị chấp, giải thích chữ thiện của tụng. Định có mười một, vì ngăn trách dị chấp. Vả lại pháp cứu của Tát-bà-đa, Câu-xá và Tạp Tâm nói thiện có mười loại, trừ ra vô nghi này là giảm một pháp này. Sư Chánh Lý Luận nói có mười hai, lại thêm hân và yếm. Bà-sa tuy nói riêng có yếm. Pháp Cứu không nói, cho nên trong đây không phải nói chỉ có thiện là mười một. Bất tín thì khắp thiện, cho nên ngăn trách nó. Chánh lượng bộ nói mười ba chỉ có thiện, ngoài mười một thiện này ra lại thêm hân và yếm, cho nên định này nói ngăn trách chấp tăng và giảm. Lại nữa, ngăn trách khinh an khắp thiện của Tát-bà-đa. Hiện tại Luận này nói chỉ có thiện, không phải khắp thiện. Dưới đây tuy nói có nhiều thiện pháp, trong đó ứng dụng thù thắng thì chỉ có mười một.

Luận: “Tại sao làm tín”, đến “tâm tịnh làm tánh”.

Thuật rằng: Tiếp theo sau đây nêu thể của thiện, phân làm tám đoạn, hợp chung tám và quý làm một; ba thiện căn làm một; trong giải thích riêng tín mở chánh nghĩa. Dưới đây là phá ngoại chấp. Trong mở chánh nghĩa, phần đầu nói sơ lược, phần sau nói rộng. Trong sơ lược nói thể và nghiệp, đây tức là tánh. Hiển Dương, Luận Đối Pháp và Luận Ngũ Uẩn tuy văn đồng với đây, nhưng có thật không phân biệt riêng. Chỉ có Luận này nói ba pháp thật, đức và năng là y xứ của tín, là cảnh Thức thứ bảy, thâm nhãn và lạc dục là nhân quả của tín. Tâm tịnh làm tánh là chánh hiển tự thể.

Luận: “Đối trị bất tín, ưa thiện làm nghiệp”.

Thuật rằng: Đây là thuyết minh nghiệp dụng. Hiền Dương nói có năm nghiệp. Nhưng đối trị bất tín, phần đầu so với đây đồng. Đây là nói ưa thiện, tức là bốn loại kia, có thể đắc tư lương của Bồ-đề đầy đủ, lợi ích tự tha, đến thiện đạo, tăng trưởng tín, tức là tín kiên cố trong Luận này. Luận Đối Pháp ghi: “Lạc dục sở y làm nghiệp”, tức là Quyển 10 kia ghi: “Tín làm y của dục”. Phỏng theo nhập Phật pháp đầu tiên làm Luận. Hoặc lấy tín Luận chung cho tất cả tín nghiệp, trong năm nghiệp của Hiền Dương, trừ mục Bồ-đề nhân thứ hai.

Luận: “Nhưng tín sai biệt lược có ba loại”.

Thuật rằng: Dưới đây nói rộng vấn nạn trước có ba phần:

1. Giải thích y xứ.
2. Giải thích nghiệp dụng.
3. Giải thích tự tánh.

Phần một và hai lại có hai, trước hết là nêu, sau là giải thích.

Luận: “Một là tin có thật”, đến “tin sâu nhẫn”.

Thuật rằng: Nói rằng đối với tất cả pháp, hoặc sự hoặc lý đều là tin nhẫn. Luận Đối Pháp ghi: “Đối với thật có thể, khởi nhẫn có thể thể tin”. Các sư xưa y theo đây cho rằng thể của bốn Đế này là thật có. Hiện tại trong Luận này nói, hoặc tin hư không đây là gì đi nữa thì thể cũng không phải thật. Nhưng có thể tổng nói hoặc lý hoặc sự, hư không tuy không có thể, nhưng có không lý.

Luận: “Hai là tin có đức”, đến “tin sâu lạc”.

Thuật rằng: Hỏi thể và biệt thể, lậu và Vô lậu và chân hạnh của trụ trì, chỗ có Tam bảo, đều do đó nhiếp. Như Chân tịnh, ngoài ra Chân tịnh phương tiện này cũng gọi là Chân tịnh.

Luận: “Ba là tin có năng”, đến “khởi hy vọng”.

Thuật rằng: Nói rằng đối với lậu và Vô lậu thiện pháp, tin mình và người, hiện tại năng đắc vị lai năng thành; Vô vi đắc Hữu vi thành; thể thiện đắc xuất thế thiện thành, vì khởi hy vọng, hy vọng là dục. Ba thứ nhẫn, lạc và dục như dưới đây phối hợp với trên. Luận Đối Pháp chỉ nói rằng ngã có lực năng đắc năng thành. Lại căn cứ theo tự thành thì điều này cũng thông với các chỗ khác, tổng quát hết năng đắc mà nói. Từ trên đến đây giải thích sở y của tín đã xong. Tùy theo thuận tiện của văn cho nên chưa giải thích tâm tịnh, tiếp theo đây giải thích nghiệp của nó.

Luận: “Do đối trị này”, đến “thế và xuất thế thiện”.

Thuật rằng: Chánh đối trị bất tín và thật sự của nó, có thể khởi ái

lạc đối Vô vi thì chứng, đối với Hữu vi thì tu, cho nên là nghiệp của tín. Từ đây xuống dục hiển ba thứ nhãn, lạc và dục là tin nhân quả và dục hiển tâm tịnh của nó, câu nói đó là tự tướng của tín gửi trong câu hỏi để phát khởi trình bày. Trong đó có bốn phần:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Vấn nạn.
4. Nói chung.

Luận: “Nhãn gọi là thắng giải”, đến “tự tướng là thế nào?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Trước nói nhãn tức là nói thắng giải, vì nhãn đối với cảnh đáng ưa, tức là nhân của tín này đồng thời. Dưới đây nói lạc và dục đều là dục tâm sở, vì lạc hy vọng cảnh, tức là đồng thời với sở sinh quả của tín. Trong đây cái nào là tự tướng của tín? Xác thật Luận tướng đó như thế nào? Xác là thật, hoặc nhãn, lạc và dục là nhân quả dị thời, lý không trái nhau. Dưới đây Luận chủ đáp, nhân đó giải thích tâm tịnh.

Luận: “Lẽ nào không thích hợp nói tâm tịnh làm tánh?”

Thuật rằng: Thích là phù hợp, vừa vặn.

Luận: “Đây là do chưa hiểu rõ”, đến “đặt vấn nạn cũng vậy”.

Thuật rằng: Phần thứ ba người ngoài vấn nạn. Đây là do chưa hiểu tâm tịnh Kiến phần mà nói, hoặc thể của tịnh tức là tâm, đây là Trì nghiệp thích. Tín nên không phải là tâm sở, tịnh tức là tâm. Hoặc thể của tịnh không phải tức là tâm khiến cho tâm tịnh, vì tịnh của tâm cho nên nương Y sĩ thích Chuyển thanh thứ ba. Tàm... có gì khác? Cũng khiến cho tâm tịnh. Hoặc tâm đồng thời với Tịnh pháp, đây là Lân cận thích, vì tịnh và tâm đồng thời. Đặt vấn nạn đồng khiến cho tịnh, cũng là tàm... không có khác.

Luận: “Tánh này trong lặng”, đến “lập tên tâm tịnh”.

Thuật rằng: Luận chủ nói chung rằng, thể của tín này trong lặng có thể làm tịnh tâm. Ngoài ra tâm và tâm sở pháp chỉ tương ứng với thiện, mười một pháp này là tự tánh thiện, vì nó tương ứng. Thể không phải thiện, không phải Bất thiện, do tín này đồng thời cho nên tâm mới thiện, do đó tịnh tín này có thể làm tịnh tâm, nương Y sĩ thích. Lại nữa, tàm... mười pháp, thể tánh tuy thiện, nhưng thể không phải là tướng của tịnh, đây là tịnh làm tướng cho nên gọi là tín, chỉ có tín là năng tịnh, ngoài ra đều là sở tịnh. Lấy tâm vương làm vua, chỉ nói tâm tịnh, không nói làm tịnh tâm sở. Văn nói sơ lược.

Luận: “Như quả cầu thủy tinh có thể lắng trong nước đục”.

Thuật rằng: Dụ như quả cầu thủy tinh có thể làm trong nước đục, nước đục dụ cho tâm, quả cầu thủy tinh dụ cho thể của tín, vì nhờ quả cầu cho nên nước đục liền trong, vì có tín cho nên tâm mới tịnh. Nếu như thế thì tâm... làm ví dụ cũng như vậy, thể tánh tịnh ở đây có gì khác?

Luận: “Tâm... tuy là thiện”, đến “không có lỗi quá lạm”.

Thuật rằng: Ngoài ra thể tánh của tâm... tuy là thiện cũng khiến cho tâm thiện, không lấy tịnh làm tướng, chỉ lấy tu thiện và hổ thẹn làm tướng. Tín này lấy tịnh làm tướng, không có lỗi quá lạm của tâm... vì không phải tâm là tâm. Tín là Vô tâm vì không phải tín là tín, tâm là bất tín. Hiện tại Luận này nói tịnh, là công năng của thể của tín.

Luận: “Lại nữa, các nhiệm pháp”, đến “cho nên tịnh làm tướng”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa thứ hai. Trong tất cả nhiệm pháp khác, mỗi mỗi đều có tướng riêng, như tham và ái. Bên trong nhiệm tâm chỉ có bất tín, tự tướng dơ đục, làm dơ đục các tâm khác khiến cho nhiễm ô, như vật rất dơ bẩn làm dơ bẩn các vật khác, như cá trạch trong bùn, động bùn thì đục nước. Bất tín cũng vậy, nhưng một tướng riêng nhiễm ô thì tất cả đều nhiễm. Tín ngược lại là bất tín dơ đục kia, cho nên lấy tịnh làm tướng của tín. Dưới đây có hai phá, vẫn có thể hiểu.

Luận: “Có nói tín là ái nhạo làm tướng”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa của Thượng toạ bộ, hoặc sư khác của Đại thừa, nói rằng ưa thích pháp kia.

Luận: “Đáng lẽ thông ba tánh”, đến “không phải tin sở duyên”.

Thuật rằng: Luận chủ vấn nạn. Đáng lẽ thông với ba tánh, vì ưa thích ba cảnh? Hoặc thừa nhận thể của ba tánh đáng lẽ là dục, vì dục duyên sở nhạo? Hoặc tín của ông có thiện ác của nó, ác bất tín có thể là có, nhưng trong Vô ký thì tín đó là không có, không phải là dục. Lại nữa, tín đối với ba tánh, tín không phải ba tánh, đâu có hại gì ái ba thứ mà chỉ có tánh thiện, là nói để ngăn trách cái hại đó khởi. Lại nữa, đối với bốn Đế đều có tín sinh, hoặc ái nhạo là tín, đáng lẽ đối với hai Đế khổ và tập, tín không duyên nó. Người nào có thánh thì ưa thích khổ và tập. Khổ đế và Tập đế đáng lẽ không phải sở duyên của tín.

Luận: “Có chấp tín là tùy thuận làm tướng”.

Thuật rằng: Hoặc các sư khác của Đại thừa, hoặc Đại chúng bộ cho là sự tùy thuận với pháp kia là tướng của tín.

Luận: “Đáng lẽ thông ba tánh tức là thắng giải”.

Thuật rằng: Cảnh có ba tánh, tùy thông với ba, hoặc thừa nhận là như thế thì đáng lẽ là thắng giải và dục. Hoặc họ chống chế rằng, tuy

nói tùy thuận với thể mà không phải giải và dục.

Luận: “Hoặc ấn thuận”, đến “tức là dục”.

Thuật rằng: Luận chủ vấn nạn rằng, tùy thuận có hai thứ:

1. Ấn thuận, tức là thắng giải, vì ấn mà thuận với nó.

2. Nhạo thuận, tức là dục tâm sở, ưa thích đối với các pháp tức là dục.

Hoặc họ chống chế rằng, thuận với thể của cả hai là tín, không phải tức là dục và giải.

Luận: “Lìa hai thể đó”, đến “tâm tịnh là tín”.

Thuật rằng: Luận chủ vấn nạn rằng, nếu lìa dục và giải thì quyết định không phải thuận tướng, không phải hai pháp kia. Như thọ, tưởng và tư cho nên Luận chỉ nói lìa hai thể kia thì không có thuận tướng. Do đây nên biết tịnh tâm làm tín; hẳn có thể cùng với dục là công cụ của tín. Sư Chánh Lý Luận cho hẳn có thể làm tín, tức là coi như thắng giải này.

Luận: “Tại sao làm tâm”, đến “ngưng dứt ác hạnh làm nghiệp”.

Thuật rằng: Đoạn thứ hai dưới đây hợp chung tâm và quý giải thích. Trong đó có hai đoạn: một là giải thích riêng, hai là giải thích chung.

Nương vào tự pháp lực, Hiền Dương ghi: “Nương vào tự tăng thượng và pháp tăng thượng mà hổ thẹn lỗi ác, tức là hai duyên. Hiện tại Luận này hiển tướng riêng của tâm, tức là tôn sùng coi trọng hai pháp hiền và thiện. Nói rằng đối với người có hiền đức, hoặc phạm hoặc thánh mà sinh sùng kính, đối với tất cả Hữu lậu Vô lậu thiện pháp mà sinh sùng trọng. Đây là tướng riêng của tâm, đến sau sẽ rõ, nghĩa đối trị vô tâm có thể biết. Cùng với sự ngưng dứt ác hạnh làm sở y, do đây cho nên ác không chuyển. Hiền Dương đều làm ví dụ đối với tín khởi năm nghiệp, ban đầu đều là chỗ trị nghiệp riêng, tức là đồng với đây.

Luận: “Nói rằng nương vào tự pháp”, đến “dứt các ác hạnh”.

Thuật rằng: Nói rằng đối với tự thân sinh tự tôn ái, tăng thượng đối với pháp sinh quý trọng, tăng thượng hai thứ lực, sùng hiền trọng thiện, hổ thẹn lỗi ác. Nói rằng việc làm đó là ý mà nói, thân ta như vậy mà làm các điều ác, pháp đó rất hay, phải nương đó mà dùng, tức là tuy nương sách của Châu và Khổng đều là pháp quý, vì là lễ nghi của thế gian, nhưng lấy hình phạt để đề phòng tội ác như pháp luật của quốc gia, tức là vẫn sau quý thế gian nhiếp.

Luận: “Thế nào làm quý”, đến “ngưng dứt ác hạnh làm ng-

hiệp”.

Thuật rằng: Nướng sức thế gian mà khinh thường chống cự bạo ác, biệt là hoặc tha nhân hủy báng và hổ thẹn các ác pháp mà không làm, đều gọi là y thế gian, ác pháp gọi là tha, cho nên đối trị chỉ nói hổ thẹn tha làm thể. Hiền Dương thì nói đối với thế tăng thượng tức là duyên. Có ác gọi là bạo, nhiễm pháp thể gọi là ác. Đối với hai pháp đó, coi nhẹ người có ác mà không thân cận, chống cự ác pháp mà không làm, hoặc đều coi nhẹ và chống cự, hoặc đều là bạo ác thì đây đều là tướng riêng của quý, ngoài ra thì nghiệp cũng như trước.

Luận: “Nói rằng y thế gian”, đến “dứt các ác nghiệp”.

Thuật rằng: Nói rằng làm chỗ quở trách của người đời, tự chán ác nhiễm, hai tăng thượng lực của mình do đó ngăn dứt các ác nghiệp.

Luận: “Hổ thẹn lỗi ác”, đến “giả nói làm thể”.

Thuật rằng: Dưới đây tổng giải thích có bốn phần:

1. Tổng hợp các văn cũ.
2. Vấn nạn các thuyết xưa.
3. Giải thích người ngoài hỏi.
4. Giải thích tự tha.

Đây là phần đầu. Hổ thẹn là tướng chung của hai pháp tà và quý, cho nên Luận Đối Pháp và Luận Hiền Dương nướng vào tướng chung này mà giả nói làm hai thể riêng. Hai thể đó tuy nói là Tha tăng thượng và Tự tăng thượng, nhưng là khởi duyên, không phải là tướng riêng. Bây giờ vấn nạn lời nói đó.

Luận: “Hoặc chấp hổ thẹn”, đến “có nghĩa này”.

Thuật rằng: Dưới đây vấn nạn các thuyết xưa có bốn phần:

1. Vấn nạn thể không khác.
2. Vấn nạn không tương ứng.
3. Vấn nạn không phải thật có.
4. Vấn nạn không khắp thiện.

Đây là hai vấn nạn đầu. Chấp hổ thẹn đó làm hai tướng riêng này. Đáng lẽ hai thể này không có sai biệt, tướng không có khác, đã như thế thì hai thể này quyết định không tương ứng, không có thể của hai thọ và hai tướng, đây là nghĩa đồng thời khởi. Hai lượng có thể biết.

Luận: “Hoặc chờ tự tha”, đến “liền trái với Thánh giáo”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn không phải thật có. Nói rằng nó hoặc nói do chờ cảnh sai biệt của tự và tha cho nên hai thể có riêng có thể đồng thời khởi, đáng lẽ hai loại này đều không phải thật có, vì có chỗ chờ đợi, như dài và ngắn. Không có riêng tự thể để chờ tự và tha, cho

nên mới trở thành hai thứ riêng khác, lẽ nào không phải là giả. Nếu thừa nhận là giả thì liền trái với Thánh giáo. Quyển 55 nói trong mười một thiện có tám là thật có.

Luận: “Hoặc thừa nhận tâm quý”, đến “mười khắp tâm thiện sở”.

Thuật rằng: Vấn nạn không khắp thiện. Lại nữa, Luận kia hoặc nói hai thể này quyết định là thật có, nhưng sinh có trước và sau, không thể đồng khởi, vì chờ tự và tha. Nếu như thế thì trái với Luận nói mười khắp tâm thiện. Trong Đại Luận này quyển 69 nói, đến sau sẽ rõ, cho nên biết hai pháp này không phải khởi trước sau.

Luận: “Tôn trọng, khinh khi chống đối”, đến “thế nào là quở trách riêng”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích người ngoài hỏi có sáu phần:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Vấn nạn.
4. Nói chung.
5. Trình bày.
6. Giải thích.

Đây là vấn nạn. Nếu tôn sùng trọng thiện làm tâm, vì chỉ duyên với thiện, khinh cự ác làm quý, là tướng riêng của hai tâm và quý. Hai sở duyên này đã có khác nhau, đáng lẽ không đồng thời sinh, hai lỗi kia đây đã đồng, thế nào có thể riêng trách ngã? Ngã cũng là cảnh riêng, vì duyên với tự tha, không đồng thời.

Luận: “Ai nói sở duyên của hai pháp có khác nhau?”

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp, tức là tâm và quý đồng một cảnh.

Luận: “Nếu không như vậy thì thế nào?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài vấn nạn.

Luận: “Khi tâm thiện khởi”, đến “sở duyên không khác”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ nói chung. Khi tâm thiện khởi thì tùy duyên cảnh nào? Không lựa riêng với các đế và thật, đều là tùy một tâm thiện. Đây là trong một tụ tâm, đều có nghĩa sùng trọng thiện và chống cự ác, hai loại nghĩa này là hai tướng riêng, không phải hai sở duyên, vì sở duyên đồng, tức là hai pháp đều có công năng riêng, là hai tướng riêng, một là tánh năng sùng trọng thiện, một là tánh năng cự ác. Khi tâm thiện khởi thì chắc chắn có hai thứ này, cho nên được đồng thời khởi. Trong đây không phải là hai sở duyên, cho nên cả hai chắc chắn

đồng duyên, do đó hai pháp này khắp tâm thiện.

Luận: “Lẽ nào không phải tôi nói mà cũng có nghĩa này”.

Thuật rằng: Đây là người ngoài trình bày. Chỗ nói trước của tôi cũng không duyên riêng cảnh tự tha. Chỉ là hai pháp chờ tự và tha, vì công năng khác nhau, thừa nhận đồng thời sinh, thể không phải giả có.

Luận: “Ông chấp tầm quý”, đến “chỗ lập vấn nạn trước”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ giải thích. Tầm quý đều lấy hổ thẹn là tướng, tức là tự tướng của hai pháp này đã đồng. Lý do gì có thể ngăn trách tôi chỗ lập vấn nạn trước? Một là vấn nạn thể không khác, hai là vấn nạn tương ứng, ba là vấn nạn đáng lẽ giả có, bốn là vấn nạn không phải khắp thiện, cho nên tôi cũng vậy. Có hai sở duyên của tướng riêng không khác nhau.

Luận: “Nhưng các Thánh giáo”, đến “gọi là tự tha”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích tự và tha, trong đó có hai giải thích:

1. Tự thân và pháp gọi là tự.
2. Vương pháp của thế gian gọi là tha, trong ngoài khác nhau.

Lại nữa, kinh Niết-bàn và Luận Đối Pháp nói hai pháp này riêng chiếu cố tự và tha. Sùng thiện nghĩa là chiếu cố tự; cự ác gọi là nghĩa chiếu cố tha. Nguyên nhân tại sao? Dưới đây thông với hai nghĩa, đối với lợi ích chính mình gọi là tự, đối với tổn hại chính mình gọi là tha, cho nên biết tự tha là hai tướng riêng. Sư Chánh Lý Luận nói: hổ thẹn với nhân tội lỗi hiện tại gọi là tự, vì hiện tại thuộc thân. Xấu hổ với quả tội lỗi gọi là tha, vì không phải hiện tại thuộc chính mình. Bây giờ là hiển riêng về nó.

Luận: “Vô tham...”, đến “cận đối trị”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có hai đoạn: một là chung, hai là riêng.

Trong chung lại có hai đoạn:

1. Hiển đoạn văn tụng.
2. Giải thích thiện căn.

Trong tụng chỗ nói về Vô căn... ba căn. Đẳng, nghĩa là đồng lấy vô sân và vô si để giải thích tên của căn, vì sinh thiện là thù thắng. Có thù thắng gì? Ba pháp Bất thiện căn tương phản đối nhau, vì cận biệt đối trị. Viển biệt đối trị này tức là chánh kiến, vì không phải biệt đối trị. Nhưng căn cứ theo văn dưới đây, ba Bất thiện căn do ba nghĩa:

1. Sáu thức tương ứng.
2. Chánh phiền não nhiếp, hai thứ này lựa riêng với tất cả tâm sở

không phải Bất thiện căn.

3. Khởi ác thù thắng.

Chánh giải thích nghĩa của căn, ba pháp này đối ngược với nó thì gọi là thiện căn. Hiện tại căn cứ theo văn này thì thiện căn do hai nghĩa:

1. Ba Bất thiện căn cận đối trị, lựa riêng với tất cả tâm sở khác không gọi là thiện căn, vì không phải Bất thiện căn cận đối trị.

2. Sinh thiện thù thắng, chánh giải thích nghĩa của căn, các Luận khác không có văn này.

Như văn có thể hiểu.

Luận: “Thế nào là vô tham”, đến “tạo thiện là nghiệp”.

Thuật rằng: Giải thích riêng dưới đây có hai đoạn:

1. Giải thích vô tham, vô sân.

2. Giải thích vô si.

Trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Giải thích riêng hai thứ.

2. Giải thích chung.

Có thuyết nói rằng quả của ba hữu có đủ tức là có thể sinh nhân của ba hữu, nhân của tướng thuận chỉ là Hữu lậu, làm nhân của duyên cũng nắm lấy Niết-bàn, có thể phát khởi tham cho nên cũng là đủ. Trong ba hữu, nghiệp và hoặc đều là nghiệp cụ. Vô nhiễm làm tánh, ác hạnh không khởi cho nên thiện có thể khởi.

Luận: “Thế nào là vô sân”, đến “tạo thiện là nghiệp”.

Thuật rằng: Khổ gọi là ba khổ. Khổ cụ tức là tất cả những thứ kia có thể sinh khổ. So sánh trong vô tham thì diệt đế Niết-bàn cũng là khổ dụ, vì lý xa sinh.

Luận: “Khi tâm thiện khởi”, đến “đều khắp tâm thiện”.

Thuật rằng: Đây là tổng giải thích hai thứ. Tâm thiện của nó tùy theo duyên ảnh nào? Trong mỗi mỗi tâm đều vô trước, vô khuể, đây là công năng. Tham đối với hữu và hữu cụ, sân đối với khổ và khổ cụ lập hai tướng riêng. Quán gọi là quán đãi, như tầm và quý quán chờ tự tha, không phải chủ yếu vô tham duyên hữu và hữu cụ, vô sân duyên khổ và khổ cụ, cho nên khắp tâm thiện. Như tầm và quý nói, tham thông với ba cõi mà phát nghiệp, nhuận sinh tổng nói hữu và hữu cụ. Sân chỉ có cõi Dục phát sinh nghiệp lực thù thắng, cho nên nói đối với khổ và khổ cụ. Luận Đối Pháp đồng với đây, Hiển Dương thì phỏng theo hữu tình ở nơi nghiệp nặng mà làm Luận. Hiện tại Luận này trừ bỏ pháp gồm thông ba cõi. Dưới đây giải thích vô si có hai phần: một là sơ lược, hai

là nói rộng.

Luận: “Thế nào là vô si”, đến “tạo thiện là nghiệp”.

Thuật rằng: Đây là sơ lược. Vô si đối với lý và tất cả sự đều hiểu rõ không mê. Tạo thiện ngưng ác là nghiệp và thể của pháp này.

Luận: “Có nghĩa vô si”, đến “tánh chọn lựa”.

Thuật rằng: Rộng nói có hai thuyết. Thể tức là biệt cảnh tuệ, Luận Đối Pháp quyển 1 ghi: “Báo, giáo, chứng và trí quyết trạch làm thể”. Đó là nương theo bản thức, Luận đó giải thích: “Nói rằng báo, giáo, chứng và trí là sinh đặc, văn, tư và tu. Như tiếp theo đây phối hợp với nó, lấy báo làm sinh đặc, vì sinh thì liền đặc; từ sở y gọi là báo; văn duyên với giáo mà sinh, theo cảnh mà đặt tên; tư có thể dẫn chứng, nói tư là chứng. Chứng là tu tuệ, là chỗ sinh ra tư. Tư tuệ từ quả hiển rõ tên; trí là tu tuệ, là sở sinh, ngay nơi thể mà được tên. Hoặc gọi là tu tuệ, từ nhân quyết định mà đặt tên”.

Hỏi: Nếu thể tức là biệt cảnh tuệ thì đâu cần gì trong thiện chỉ nói đối với tuệ? Bốn biệt cảnh còn lại không nói trong thiện.

Luận: “Thuật rằng, đây tuy là tuệ”, đến “cho nên lại nói riêng”.

Thuật rằng: Để hiển thiện phẩm có công năng thù thắng, vì tăng trưởng thiện, đoạn bất thiện căn. Như kiến dụng trong phiền não tăng thượng thù thắng cho nên nói riêng.

Luận: “Có nghĩa vô si”, đến “thiện căn nhiếp”.

Thuật rằng: Đoạn văn dưới đây có bốn phần:

1. Nêu tông.
2. Dẫn chứng.
3. Tổng hợp các lỗi.
4. Lập lý.

Đây là phần đầu. Đây là lấy lượng để phá. Vô si không phải tuệ riêng có tự tánh, chánh đối với vô minh trong Bất thiện do thiện căn nhiếp, như vô cả ba. Lượng rằng: “vô si quyết định riêng có thể, chỗ chánh đối trị là Bất thiện căn, như vô tham và vô sân. Lại nữa, đây là lìa tuệ mà thật có tự tánh vô tham... ba thiện căn nhiếp, như vô tham và vô sân. Không nói là thiện do mười một thiện căn nhiếp, xả là thành lỗi.

Luận: “Luận nói đại bi”, đến “đáng lẽ căn của tuệ nhiếp”.

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng, có hai văn làm chứng. Đây là lấy giáo lý bằng nhau để vấn nạn. Du-già quyển 57 ghi: “Đại bi lấy hai pháp vô sân, vô si kia làm thể, không phải hai mươi hai căn nhiếp”. Hoặc vô si lấy tuệ làm tánh, đại bi này như thập lực đáng lẽ là tuệ căn trong hai mươi hai căn, chỗ nhiếp của căn ba Vô lậu. Luận kia nói tuệ

căn của mười lực, bốn vô úy nhiếp, không nhiếp đại bi. Đây là một trái nhau. Nhưng sư trước tại sao giải thích văn này? Luận kia giải thích rằng vì có vô sân làm thể cho nên không phải căn nhiếp, đến sau sẽ rõ.

Luận: “Lại nữa, hoặc vô si”, đến “ngoài ra đều là thật”.

Thuật rằng: Lại nữa, dẫn Luận để vấn nạn. Hoặc vô si này lấy tuệ làm tánh, như bất hại đáng lẽ không phải thật vật, bất hại lấy vô sân làm tánh, vô si này lấy tuệ làm thể. Hoặc thừa nhận vô si là giả thì liền trái với Đại Luận quyển 55 nói ba pháp bất phóng dật, xả và bất hại trong mười một thiện là Thế tục hữu, ngoài ra đều là thật có. Do một lý và hai giáo trước cho nên riêng có thể. Nếu như thế thì văn của Luận Đối Pháp thông như thế nào?

Luận: “Nhưng Tập Luận nói”, đến “lý phải nên như thế”.

Thuật rằng: Đây là tổng hợp các lỗi. Tuệ làm thể, là nêu ra nhân quả của vô si để hiển vô si. Nhân và quả của vô si đều thông với bốn tuệ, hoặc là đồng thời, hoặc là khác niệm, đây là quả Đăng lưu, tăng thượng và Sĩ dụng, như Luận kia giải thích trong chữ tín, Vô sắc cũng như thế, lấy làm đồng dụ lý thì phải nên như thế. Lấy bốn tuệ làm nhân quả mà biểu hiện vô si. Tại sao vậy?

Luận: “Lấy tham sân si”, đến “lập Bất thiện căn”.

Thuật rằng: Dưới đây là lập lý. Do vì ba thứ này có thể đủ hai nghĩa:

1. Sáu thức tương ứng có thể lựa riêng với nghi.
2. Chánh phiền não nhiếp, lựa riêng với tín.

Ngoài ra thì không phải vị này. Ba nghĩa của Tiểu thừa lựa riêng, trong đây hai nghĩa lựa riêng và khởi ác thù thắng. Giải thích đối với nghĩa của căn, hai nghĩa lựa riêng các pháp khác, do một nghĩa cho nên lập Bất thiện căn, nêu ra sở trị này mới phân rõ năng trị.

Luận: “Đoạn nó chắc chắn do”, đến “thì phải riêng có”.

Thuật rằng: Đoạn ba thời của nó là chắc chắn do hai đối trị:

1. Đối trị chung, tức là chỉ có thiện tuệ, có thể đoạn tổng quát.
2. Đối trị riêng tức là vô tham, vô sân, vô si.

Như tham và sân là hai pháp có đối trị chung và đối trị riêng, vì Bất thiện căn nhiếp cho nên si cũng như thế. Bất thiện căn nhiếp cũng có hai đối trị, như hai pháp tham sân phải riêng có vô si, vì Bất thiện căn khởi ác thù thắng, cho nên cần phải có hai đối trị, các hoặc còn lại thì không như vậy. Do nhân duyên này mà vô si lia tuệ quyết định riêng có thể. Sư trước giải thích đại bi không phải căn nhiếp... vì dụng là vô sân và vô si làm thể, Luận từ vô sân mà nói là không phải căn, thật ra là

căn nhiếp. Nếu như thế thì ba niệm trụ cũng vậy. Nếu không như thế thì đại bi tương tự với bi trong bốn Vô lượng chỉ lấy vô Sân làm tánh. Hiện tại từ vô sân mà nói chỗ không nhiếp của căn, niệm trụ nương tuệ cho nên là chỗ nhiếp của căn. Vả lại phỏng theo văn hiển ảnh bóng không phải thật lý.

Hỏi: Nếu như thế thì ba đời Thế tục hữu văn thông như thế nào?

Đáp: Thật có thể tức là tuệ.

Hỏi: Thế của bất hại tức là vô sân, đáng lẽ không phải giả có?

Đáp:

1. Thế tục hữu nói thì thông với giả thật.
2. Chủng tử Thế tục hữu nói thì tức là thật.
3. Thế tục đều là giả có.

Ba điều này cũng không đúng. Như năm kiến tuệ phần nói là Thế tục hữu cho nên không phải là giả có, vô si này cũng như thế. Nếu như thế thì bất hại là vô sân phần thì thông như thế nào? Cho nên sư sau là chánh, chỗ nói của tụng là cần và an.

Luận: “Cần là tinh tấn”, đến “làm đầy thiện là nghiệp”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có hai phần: một là sơ lược, hai là nói rộng.

Tên gọi cần khổ thông với ba tánh, đây là tinh tấn cho nên thể chỉ có thiện. Đối với thiện phẩm thì tu hành, đối với ác phẩm thì đoạn dứt, trong sự thì dừng cảm. Gan dạ mà lại dừng không nhút nhác, tự sách tấn phấn phát. Gan dạ mà không kinh sợ, nhẫn nại mà nhiệt tình. Dững có nghĩa là tiến lên; gan dạ nghĩa là cứng cỏi; nghiệp làm đầy thiện là đối với pháp mà nói nghiệp là chuyên làm đầy tất cả thiện phẩm. Luận kia giải thích rằng, đầy thiện phẩm là có thể làm viên mãn tùy theo chỗ căn bản Tĩnh lực mới nhập. Thành thiện phẩm là đối với cực thiện này mà tu trị, trong đây chỉ nói thiện mãn, Luận kia thì căn cứ theo một phần trong nhân tùy chỗ nhập định mà tu trị thêm nữa. Đây là căn cứ theo hạnh nhân thành Phật quả đầy đủ, lại càng không tu trị cho nên chỉ nói là mãn, tức là thông với quả vị của ba Thừa cứu cánh, hoặc làm thiện sự tròn đầy gọi là mãn, vì có thể làm viên mãn thiện, không phải cần Thánh quả. Hoặc chỉ nói cần, pháp đồng thời của ba tánh có thể cần khổ. Nhưng trong đây tánh nào nhiếp?

Luận: “Dững biểu hiện thắng tiến”, đến “chỉ có thiện tánh nhiếp”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích rộng có hai đoạn:

1. Giải thích vấn nạn trước.

2. Phân rõ sai biệt.

Đây là phần đầu. Dũng biểu hiện niệm niệm tự cao là thù thắng, không phải như pháp nhiệm. Giả sử tuy tăng trưởng, mong các thiện phẩm đều gọi là thoái, cũng không gọi là tấn, vì tấn không có ích lợi, vì tấn là tiến tới để thành thân của bậc Thánh. Hãn biểu thị sự tinh thuần, lựa riêng với bốn Vô phú vô ký tịnh, vì bốn pháp này tuy có gia hạnh tác ý tu tập nhưng không phải tinh thuần, không xứng chánh lý, cho nên không gọi là tinh, lại không phải nhiệm cho nên có thể gọi là thuần. Hiện tại tinh thuần này tức là tổng giải thích.

Luận: “Sự sai biệt này”, đến “vô thoái và vô túc”.

Thuật rằng: Có năm thứ như trong văn. Dưới đây phân rõ sai biệt có ba loại:

1. Các Luận gia lập tên.
2. Dẫn kinh thuộc loại nào.
3. Hiển vị sai biệt.

Đây là phần đầu.

Luận: “Tức là chỗ nói của kinh”, đến “như sau nên biết”.

Thuật rằng: Tức là lấy loại của kinh. Hiển Dương chỉ có năm tên kinh, Luận Đối Pháp hai tên đều có đủ. Quyển 89 ghi: “Ban đầu phát khởi lạc dục nhanh mạnh gọi là mặc giáp”. Kinh gọi là có thể lực, như mặc giáp vào trận, tức là không có sợ sệt, có uy thế lớn. Tiếp theo khởi dũng cảm kiên cố phương tiện gọi là gia hạnh. Kinh gọi là có cần, tức là kiên cố tâm đó mà tự siêng cần sách tấn. Tiếp theo là chứng đắc không tự khinh miệt, cũng không có khiếp sợ gọi là không hạ thấp. Kinh gọi là có dũng, không tự ty thì liền tăng thêm dũng tuệ. Tiếp theo là có thể nhẫn chịu các khổ nóng lạnh, đối với thiện còn yếu kém không sinh chán đủ, vui cầu các phẩm công đức thù thắng gọi là không thoái lui. Kinh gọi là kiên mãnh, tức là gặp khổ không chiết phục, kiên cố ý chí của người đó, tiếp tục cho đến dần dần nhập vào Đế quán, sau đó đến đạo thù thắng gọi là vô túc, kinh gọi là không xả thiện ách. Ách là cái ách xe, cột ách vào cổ trâu khiến cho trâu không rời khỏi để có thể kéo đi tới. Thiện pháp cũng như vậy, cột ách tu hành không ra khỏi thiện phẩm, tiến đến Niết-bàn tu tập các pháp chưa đủ. Theo dụ mà gọi tên, dưới đây hiển vị sai biệt.

Luận: “Đây là năm biệt”, đến “ba phẩm riêng”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ nhất, tức là sơ phát tâm, còn lại là bốn tu hành. Trong tu hành có hai đoạn:

1. Tự phần thắng tấn.

2. Tự phần hành.

Trong tự phần hành có ba phẩm thượng trung hạ khác nhau, tổng cộng làm năm. Lại như hành xả của Sơ địa có sơ phát tâm, có hành bố thí thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm, bố thí đã đầy đủ mới có thể nhập Địa thứ hai. Trì giới thăng tấn vượt lên Địa trên gọi là Thăng tấn hạnh, như vậy cho đến các vị trong Thập địa đều như thế, như Luận Thập Địa giải thích rộng.

Luận: “Hoặc sơ phát tâm”, đến “tu sai biệt”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ hai giải thích. Năm thứ này tức là thêm sơ phát tâm trong bốn loại tu. Bốn tu là trường thời tu, vô gián tu, ân trọng tu và vô dư tu. Như Luận Đối Pháp sao quyển 12, Nhiếp Luận quyển 7 giải thích rộng và Luận này quyển 10 nói. Nhưng quyển 18, nhập trì nói tinh tấn có ba, nhiếp bốn tu này cũng như Luận Đối Pháp kia. Bản Địa Bồ-tát địa và Quyết trạch quyển 78 đều như thế, tức là sáu độ đều có.

Luận: “Thành tư lương năm đạo sai biệt”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ ba giải thích năm vị tư lương, gia hạnh, kiến đạo, Tu đạo và Vô học. Như Luận Đối Pháp cuối quyển 8 và quyển 9 giải thích.

Hỏi: Thông với ba Thừa, tại sao ba Thừa vô học chưa đủ?

Đáp: Vì chưa xả bỏ thiện ách, quả đã đầy đủ.

Luận: “Cứu cánh đạo của Nhị thừa”, đến “tự lạc và lạc tha”.

Thuật rằng: Vì Nhị thừa vô học hồi tâm hâm mộ đại Bồ-đề, quả cứu cánh của Phật, lợi lạc đến tận đời vị lai, lợi lạc hữu tình, đều được gọi là bất xả thiện ách. Nhị thừa thú tịch cũng lợi tha, tức là Ba-la-mật, lược bỏ cho nên không nói.

Luận: “Hoặc hai gia hạnh”, đến “thăng tấn sai biệt”.

Thuật rằng: Lại nữa, gia hạnh và bốn đạo là năm, nhưng trong gia hạnh có gần và có xa, gọi là hai gia hạnh. Bốn Đạo như quyển 10 sau giải thích, tức là Luận này bao gồm giải thích trước là có năm giải thích.

Luận: “An là khinh an”, đến “Chuyển y làm nghiệp”.

Thuật rằng: Cũng là đoạn văn tụng giải thích là nhẹ nhàng mà an ổn. Là trọng gọi là khinh, ở đây có hai thứ:

1. Vô lậu, trừ Hữu lậu thô trọng ra, vì thô trọng thông ba tánh.
2. Hữu lậu, trừ phiền não thô trọng ra, chỉ là thiện tánh, đây là chánh đối trị một pháp hôn trầm.

Nhưng đối trị nói trừ ra tất cả chướng, Hiền Dương nói trừ ra thô

trọng. Luận Đối Pháp quyển 10 nói cũng đồng với đây. Luận kia phỏng theo chương chung, đây phỏng theo chương riêng. Vì hôn trầm là tánh vô kham nhiệm, an thì kham nhiệm cho nên chỉ trừ bỏ hôn trầm.

Luận: “Nói rằng pháp trừ phục”, đến “khinh an thích hợp”.

Thuật rằng: Giải thích nghiệp Chuyển y. Hữu lậu bị chiết phục, Vô lậu trừ tất cả những pháp có thể chương định. Điều này hoặc là phiền não, hoặc là thọ tâm sở, chỉ có thể chương định, tức là chỗ phải trừ. Hiện tại Luận này nói pháp này chỉ là hôn trầm, khiến cho thân sở y chuyển trừ thô trọng mà được an ổn.

Luận: “Bất phóng dật”, đến “thiện sự làm nghiệp”.

Thuật rằng: Dưới đây có sơ lược và nói rộng. Đây là sơ lược. Bất phóng dật lấy tinh tấn và ba căn, đối với chỗ đoạn các ác pháp, đề phòng khiến cho không khởi; chỗ tu thiện pháp, tu khiến cho tăng trưởng. Thể là bốn pháp, phỏng theo công năng riêng mà giả nói là Bất phóng dật. Trong chỗ đề phòng thông với tất cả Hữu lậu pháp.

Luận: “Nói rằng tức là bốn pháp”, đến “không có dụng riêng”.

Thuật rằng: Dưới đây nói rộng có hai đoạn:

1. Phế và lập.
2. Vấn và đáp phân rõ.

Đây là phần đầu. Pháp này không phải riêng có thể, lìa bốn pháp đó thì không có tướng khác, vì không có dụng riêng, tác dụng không khác nhau, cả hai trở thành thể dụng không riêng khác. Văn đó dễ hiểu.

Hỏi: Tín... mười pháp đều có công năng ngừa ác tu thiện, tại sao chỉ lập đối với bốn pháp?

Luận: “Tuy tín, tầm...”, đến “cho nên không phải pháp này nương”.

Thuật rằng: Trừ sáu pháp ra, còn lại bốn pháp kia thế lực yếu lại kém. Sao gọi là kém? Trong bốn pháp này có ba pháp làm căn, tinh tấn sách dẫn khắp tất cả có thể đoạn có thể tu tâm thiện, Luận kia trừ ra sáu pháp không phải căn, sách dẫn khắp, không phải chỗ y của Bất phóng dật, tức không phải thù thắng. Dưới đây hỏi đáp có sáu đoạn:

1. Hỏi.
2. Chất vấn.
3. Đáp.
4. Hỏi vặn.
5. Trình bày.
6. Giải thích.

Luận: “Lẽ nào không đề phòng mà tu tướng dụng của pháp này?”

Thuật rằng: Người ngoài của Luận Thuận Chánh Lý hỏi: Lẽ nào không phòng ác mà tu thiện, là tướng dụng của Bất phóng dật này, dụng nào lấy bốn pháp để làm thể?

Đáp: Đây là tất cả biệt lập có thể đều nói như vậy, riêng có Bất phóng dật. Bất phóng dật tức là đề phòng tu. Ẩn giấu tên Bất phóng dật, nêu ra tu đề phòng để đặt vấn nạn. Luận chủ tiếp theo là chất vấn.

Luận: “Đề phòng tu khác với ba căn của tinh tấn như thế nào?”

Thuật rằng: Đây là chất vấn. Đề phòng tu có khác gì với bốn pháp? Vì bốn pháp có thể ngừa ác và tu thiện.

Luận: “Nó phải chờ pháp này mới có tác dụng”.

Thuật rằng: Người ngoài đáp: bốn pháp kia không có lực, không thể đề phòng tu, phải chờ trong đây riêng có bất dật khiến cho bốn pháp đó mới có tác dụng đề phòng tu, cho nên không lấy bốn pháp làm thể của đề phòng tu. Do đó biết riêng có Bất phóng dật.

Luận: “Pháp này phải chờ pháp khác thì liền có lỗi vô cùng”.

Thuật rằng: Luận chủ chất vấn: bốn pháp có thể đề phòng tu, vì bốn thể không có lực cho nên phải chờ Bất phóng dật. Bất phóng dật có thể đề phòng tu cũng đáng lẽ không có lực thì cũng lại phải chờ? Như bốn pháp kia triển chuyển như vậy thì có lỗi vô cùng. Nếu Bất phóng dật riêng có tự tánh, không chờ pháp khác, tức là có thể đề phòng tu. Bốn pháp kia cũng như thế, cho nên không phải lìa bốn pháp đó mà riêng có Bất phóng dật.

Luận: “Cần chỉ sách tấn khắp”, đến “có tác dụng đề phòng tu”.

Thuật rằng: Người ngoài trình bày: Thể của cần chỉ có thể sách tấn khắp tâm thiện, ba căn chỉ có thể làm y của thiện pháp. Y là nghĩa của căn, tại sao nói bốn pháp này có tác dụng đề phòng tu?

Luận: “Tác dụng đề phòng tu của ông, tướng của nó như thế nào?”

Thuật rằng: Đây là Luận chủ hỏi.

Luận: “Hoặc y trì rộng khắp”, đến “tức là tổng bốn pháp”.

Thuật rằng: Hoặc rộng y trì tất cả tâm thiện gọi là nghĩa đề phòng tu, tức là ba căn. Y tức là y xứ; trì là khiến cho tăng trưởng, hoặc sách tấn phát đuổi lấy tất cả tâm thiện gọi là đề phòng tu, không khác với tinh tấn. Đây là khả năng riêng của bốn pháp. Hoặc dứt ác không sinh mà tấn thiện khiến cho khởi gọi là đề phòng tu. Tổng chung bốn pháp này cho nên không có riêng thể.

Luận: “Khiến cho không tán loạn”, đến “thì phải là niệm”.

Thuật rằng: Nếu khiến cho tâm không tán loạn gọi là đề phòng tu thì phải là định. Hoặc khiến cho tâm pháp tâm sở đồng nắm lấy một cảnh không trái nghịch với duyên gọi là đề phòng tu thì cùng với xúc nào có khác gì! Hoặc chỗ làm thiện hay ác nhớ giữ không quên gọi là đề phòng tu thì đáng lẽ là niệm!

Luận: “Như vậy suy tìm”, đến “quyết định không có riêng thể”.

Thuật rằng: Từ đạo lý trước suy ra tác dụng của Bất phóng dật đề phòng tu, lia công năng của vô tham... bốn pháp tổng và biệt thì rất ráo bất khả đắc, cho nên Bất phóng dật quyết định không có riêng thể.

Hỏi: Tại sao trong đây lấy vô tham là đầu ngoài ba pháp khác mà không lấy tinh tấn làm đầu?

Đáp: Kế trong chỗ lựa riêng ở trước lấy vô tham làm đầu, từ gần mà tổng kết, tức là hiển Bất phóng dật không giống như thể của Tiểu thừa là thật có, tức là lý do giả có.

Luận: “Tại sao hành xả”, đến “tĩnh trụ làm nghiệp”.

Thuật rằng: Hành là hành uẩn. Xả trong hành uẩn lựa riêng với xả trong thọ cho nên lấy hành mà nói, không phải là hành; cũng lấy bốn pháp làm thể, riêng chánh đối trị trạo cử, thể tánh tĩnh trụ làm nghiệp.

Luận: “Nói rằng tức là bốn pháp”, đến “tịch tịnh mà trụ”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có hai đoạn:

1. Chánh giải thích thể và nghiệp.
2. Giải thích phế và lập.

Đây là phần đầu. Hoặc đối trị chung cũng là tất cả pháp. Luận Đối Pháp ghi: “Do xả tương ưng lia tánh bất bình đẳng trầm luân”, tức là nêu chương chung, đây là cử ra chương riêng. Bình đẳng, chánh trực, Luận Đối Pháp ghi: “Do xả cùng với tâm đồng thời lia trầm luân”. Tâm ban đầu là bình đẳng xa lia gia hạnh, kế đó là tâm chánh trực, đối với nhiễm không có tánh, sau không có công dụng. Rộng như Luận kia nói. Nhưng các Luận đều nói, do Bất phóng dật đoạn các Hoặc đã xong, đây là xả tĩnh trụ không dung chứa tạp nhiễm, nghĩa là Bất phóng dật là Vô gián đạo thì xả này là giải thoát đạo. Trong giải thoát đạo không dung chứa thọ tạp nhiễm, đây là thời gian trước và sau riêng khởi tác dụng thù thắng. Hoặc hiện tại chỗ nói ở đây tuy đồng thời, đồng thời Bất phóng dật đã có thể trừ chướng. Xả khiến cho tâm này tịch tịnh mà trụ, nghĩa là nói trước và sau nương vào thời của hai tác dụng này lẫn nhau tăng trưởng mà nói tương của nó. Trong thời gian này căn cứ theo biệt chương trạo cử mà nắm lấy các pháp khác, không đồng Luận Đối Pháp

quyển 10 trừ ra tham và ái. Luận Đối Pháp quyển 1 thuyết minh thông có thể sửa trị tất cả pháp.

Luận: “Pháp này không có riêng thể”, đến “tức là tâm”.

Thuật rằng: Dưới đây là phế và lập. Nhưng hiện tại pháp này xả lìa bốn pháp trước không có tướng riêng và tác dụng. Tại sao vậy? Hoặc có thể khiến cho tịch tịnh gọi là xả, tức là công năng của bốn pháp. Hoặc chỗ khiến cho tịch tịnh gọi là xả, trừ bốn pháp ra ngoài là các tâm còn lại. Nhưng đã lấy năng tịch tịnh làm xả, cho nên thể tức là bốn pháp. Tịnh tướng của tín... là không phải tịnh. Như Bất phóng dật trước ngay chỗ nương thù thắng mà lập, nghĩa như trước đã nói, ở đây cũng đáng lẽ như thế, Ngay thù thắng mà nói, các pháp khác không chướng. Luận Đối Pháp quyển 10 và Hiển Dương ghi: “Như Khế kinh nói là trừ tham ái tâm nương dừng nơi xả”. Đây là căn cứ theo sự lìa dục hoặc tướng Vô lậu xả mà nói, vì ưu căn đồng thời cũng có xả. Nhưng phiền não đồng thời ưu và tham đều là cội Dục cùng với tánh tướng của tâm thiện trái nghịch nhau, nói tên là trừ bỏ. Trong giác chi của Luận Đối Pháp quyển 17 nói, chỉ phỏng theo Vô lậu.

Luận: “Tại sao bất hại”, đến “từ mẫn làm nghiệp”.

Thuật rằng: Đây là nêu chung đã xong.

Luận: “Nói rằng tức là vô sân”, đến “giả gọi là bất hại”.

Thuật rằng: Đối với hữu tình không tổn não, không phải nói không đoạn dứt mạng. Không có đoạn dứt mạng là vô sân, cho nên ở đây chỉ phỏng theo sự không tổn não. Văn còn lại có thể biết.

Hỏi: Đây đã là vô sân, cần gì lập riêng?

Luận: “Vô sân đối ngược lại”, đến “tướng thô sai biệt”.

Thuật rằng: Ở đây có hai giải thích. Vô sân là đối ngược lại với sân đoạn vật mạng; bất hại này tức là ngược với hại tổn não vật, cho nên pháp có hai thứ riêng khác. Thuyết minh hại chỉ là tổn vật không làm đoạn dứt mạng, sân không những làm tổn vật mà còn làm đoạn dứt vật mạng. Đã như thế thì giống như gió không đoạn dứt vật mạng, tức là không phải hại, cho nên biết trong đây là phỏng theo tướng thô đối với hữu tình chỗ phân rõ hai pháp khác nhau này. Lại nữa, không phỏng theo chỗ trị, chỉ thuyết minh sai biệt của thể này, vô sân trước cùng với hữu tình lạc, là thể của từ. Bất hại bạt khổ chúng sinh, tức là bi, cho nên Hiển Dương quyển 4 ghi: “Bi lấy vô sân làm tánh, bi lấy bất hại làm tánh”. Hiện tại Luận này hai pháp ngược nhau là phỏng theo tướng thô mà nói.

Luận: “Lý thật ra vô sân”, đến “hai pháp thù thắng kia”.

Thuật rằng: Lý thật ra thể của vô sân là thật có. Bất hại nương vào nghĩa thù thắng một phần của vô sân bạt khổ mà giả lập bất hại.

Hỏi: Đại bi trước lấy hai pháp vô sân, vô si làm thể, bây giờ tại sao chỉ nói riêng có bất hại?

Đáp: Luận kia căn cứ theo thật thể, đây thì phỏng theo giả thành. Lại nữa, kia là đại bi, còn đây chỉ là bi, thuộc về bốn Vô lượng tâm.

Hỏi: Tại sao không kiến lập trên vô tham?

Đáp: Vì hiển hai tướng từ bi khác nhau trong công đức, cho nên nương vô sân mà giả lập, không nương vô tham.

Hỏi: Các công đức như thắng xứ cũng lấy vô tham làm tánh, tại sao trong thiện không nương trên vô tham? Vì hiển công đức khác nhau mà lập riêng một pháp?

Đáp: Tất cả công đức nương vào Thánh nhân làm thù thắng. Đối với thân của Thánh nhân thì Phật là tối thắng, trong thân của Phật thì lợi lạc hữu tình là tối thắng, trong lợi lạc thì hai chủng từ bi là tối thắng. Vì hiển công đức cực thù thắng sai biệt, nương vào vô sân mà lập bất hại, không phải vô tham.

Hỏi: Tại sao lập bất hại làm thiện căn? Không lập bất tật?

Luận: “Có nói bất hại”, đến “là tánh của hiền thiện”.

Thuật rằng: Đây là Luận Chánh Lý của sư Tát-bà-đa. Nói tánh của Hiền thiện, là nói người này tức là Hiền thiện.

Luận: “Tướng này thế nào?”

Thuật rằng: Đây là Luận chủ hỏi.

Luận: “Nói rằng không tổn hại”.

Thuật rằng: Đây là người ngoài đáp.

Luận: “Vô sân cũng như thế”, đến “là vô sân”.

Thuật rằng: Không phải lìa vô sân mà riêng có tự tánh, là đối với hữu tình không làm tổn não. Tướng của thể tánh hiền thiện tức là vô sân, cho nên lìa vô sân thì không có riêng bất hại, thuyết minh bất hại là giả. Phần thứ hai nêu ra thể của mười một thiện đã xong.

Luận: “Và hiển mười một”, đến “các pháp tâm sở”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ ba các môn phân biệt, trong đó có mười hai pháp, nghĩa thứ nhất nhiếp các chỗ khác. Tụng nói rằng hành xả và bất hại. Ở đây nhân theo giải thích chữ “và”, nói: “Và hiển ngoài thiện mười một pháp”. Lại có nghĩa biệt tâm sở là ưa và chán. Chữ “giá” trong tiếng Phạm có hai nghĩa: Thứ nhất là cập, thứ hai là đẳng. Không thể đặt chữ “đẳng” cho nên tổng có chữ “cập”. Chữ “cập” có hai nghĩa:

1. Hiện mười một thiện mỗi mỗi đều là riêng thể, tức là giải thích trái nhau.

2. Hiện mười một pháp ngoài tâm sở.

Hiện tại Luận này chỉ phỏng theo đồng nắm lấy một nghĩa của pháp khác.

Luận: “Tuy nghĩa có khác”, đến “cho nên không lập riêng”.

Thuật rằng: Giải thích lý do không đáng làm thiện pháp. Hai thứ ưa và chán này tuy mong mười một pháp trước có riêng khác, nhưng không phải thật có. Kinh Tập Sự là phẩm Tập Sự của kinh A-hàm, cùng với pháp uẩn này đủ để nói rộng và Đại Luận quyển 56, quyển 69 đều có đủ tên nhiệm để giải thích nó. Ngược lại với thiện kia, tuy nương vào nghĩa mà riêng nói các thứ tên, nhưng thể là mười một pháp này thì lại càng không khác, không lập riêng.

Luận: “Ưa là dục đồng thời”, đến “vì không tăng thêm khuể”.

Thuật rằng: Đây là một phần vô sân. Đối với cảnh không chán ghét mới ưa cảnh đó, tánh này không phải dục, dục đồng thời với pháp. Nhưng quyển 86 giải thích ba pháp Bất thiện căn trong nhiều tên, không nói sân tên là ưa; tham cũng gọi là ưa. Hiện tại ngược lại với tên đó, không ưa thì đáng lẽ không có một phần tham. Tham nghĩa là nhiệm trước, nhiệm tham gọi là ưa, không có nghĩa tham chán. Vô sân gọi là ưa. Mỗi mỗi đều phỏng theo một nghĩa cũng không có lỗi tương vi.

Luận: “Không phần hận não”, đến “sân một phần”.

Thuật rằng: Ngược lại với bốn pháp trong hai mươi tùy hoặc. Bất phần, bất hận, bất não và bất tật cũng như thế. Tùy ứng chánh nghịch với vô sân một phần, sở trị của họ là phần của sân. Nói tùy ứng là để hiển bất đồng giữa hân với dục đồng thời. Phần... này không như thế, mỗi mỗi đều riêng trái nghịch, lại chỉ là một phần sân của họ, cho nên nói tùy ứng. Lại nói “đẳng” là đồng lấy bảy pháp bất phần phát, Bất ác thuyết, phi bất nhẫn, bất để-đột, bất tỳ tỳ, vô sân tầm và vô hại tầm.

Luận: “Chán là tuệ đồng thời”, đến “không nhiệm ô”.

Thuật rằng: Đây là một phần vô tham, đối với chỗ chán không nhiệm ô.

Luận: “Bất xan, kiêu...”, đến “một phần của tham”.

Thuật rằng: Ngược lại hai pháp tùy phiền não là bất xan và bất kiêu, hai pháp này là một phần vô tham, hai pháp kia là phần của tham. Nói tùy ứng trước là chán và tuệ đồng thời, hai pháp này thì không như vậy. Lại nữa, mỗi mỗi đều nghịch nhau. Đẳng, là y theo quyển 89 đồng lấy mười tám loại bất nghiên cầu cho đến bất gia thế tầm.

Luận: “Bất phú cưỡng siểm”, đến “một phần của tham si”.

Thuật rằng: Ba pháp bất phú, bất cưỡng và bất siểm là một phần của hai thiện căn. Tùy ứng chánh nghịch với một phần của tham và si. Vô tham thì nghịch với phần tham, cho nên nói tùy ứng. Nghĩa thì lại đồng lấy bất kiêu và bất trá trong quyển 62. Phú trong đây là chỗ trị của bất phú, có tham trước danh lợi cho nên hay che giấu tội lỗi. Hiện tại Luận này nói vô tham là một phần của si, Luận chỉ nói si phần, vì khởi thì chắc chắn có si, lấy lý để giải thích điều đó.

Luận: “Có nghĩa bất phú”, đến “cũng một phần của tham”.

Thuật rằng: Đây là giáo làm chứng, đây chỉ có một phần của vô si. Chỗ trị của vô si này là phú. Du-già và Luận Đối Pháp đều nói là si phần, không nói là tham phần. Tham danh cho nên phú, thể của phú cũng là si, vì si cho nên như thế. Giải thích trước là thù thắng, tuy không có Luận về lý của văn cho nên thù thắng. Từ đây trở lên là giải thích phần... chín pháp đầu đã xong. Vì hại có chánh trái ngược cho nên trong đây không nêu ra. Ba căn trong sáu căn bản hoặc trên tự có trái nghịch, ba căn còn lại thì không trái nghịch, lại trái nghịch với bất mạn.

Luận: “Có nghĩa bất mạn”, đến “bất mạn kia”.

Thuật rằng: Ba thuyết có thể biết. Nhưng Luận Đối Pháp giải thích mạn là bất kính, nghiệp là làm khổ sinh, tức là một phần tâm thứ ba thù thắng trong đây, vì tâm là sùng kính sư trưởng. Trong phần phiên nào quyển cuối của Luận này, chỉ nói chướng bất mạn, nghĩa có thể thông cả ba pháp. Nhưng chướng đối với tâm, như lý trước cũng có thể được.

Luận: “Có nghĩa bất nghi”, đến “không có do dự”.

Thuật rằng: Bất nghi có ba giải thích như văn có thể hiểu. Du-già quyển 8 nói nghi là phân biệt dị giác làm thể, giác tức là tuệ. Quyển 58 nói là sự chọn lựa do dự, cho nên chánh chọn lựa tức là chánh kiến, như vậy bất nghi tức là phần ít của chánh kiến cũng có lý đó. Nhưng Tùy phiên nào có tám, đảo ngược nhau mà nhập vào thiện, là vô tâm, vô quý, bất tín, giải đãi, hôn trầm, trạo cử, hại và phóng dật, còn lại mười hai thứ thì không đảo lại. Trước giải thích chín thứ đã xong, lấy tiểu phiên nào nhiếp thuyết minh nó một đoạn. Dưới đây có ba pháp đều thông với nhiệm tâm mà khởi, cho nên lựa riêng ở sau.

Luận: “Thể của bất tán loạn”, đến “tức là chánh niệm”.

Thuật rằng: Thể của bất loạn tức là chánh định. Tuy tán loạn riêng có thể, hoặc không có thể, tức là phần ít của định đều đảo lại kia gọi là chánh định, vì tánh đối trị. Nhiệm và kiến thì trong căn bản, bất

chánh tri thì trong Tùy phiền não. Hiện tại đảo lại đều nhập vào chỗ nhiếp của thiện và tuệ. Bất chánh hoặc biệt cảnh tuệ phần, hoặc si phần đều như thế, là tánh đối trị. Không quên mất là chánh niệm; hoặc biệt cảnh tuệ phần, hoặc si phần cũng vậy. Ba pháp này hoặc là đảo lại si phần, vì có biệt cảnh phần. Biệt cảnh thông với ba tánh, không đảo lại làm thiện. Dục và thắng giải cũng như thế. Nhưng ở đây chỉ nói là si phần, cho nên không nói. Phần... nói ở trước, đảo lại nhập vào thiện, vì không có thể riêng và không thông với ba tánh.

Luận: “Hối, miên, tâm, tứ”, đến “không có riêng đối nghịch đảo”.

Thuật rằng: Bất định có bốn pháp. Thông với ba chủng tánh của nhiễm và bất nhiễm, như Biến hành xúc đồng với bốn pháp còn lại. Dục trong biệt cảnh cũng đồng với bốn pháp, không có riêng đối nghịch đảo. Chỉ có ác là không thông với pháp ba tánh mới có nghịch đảo. Trước đây hoặc có hành tướng đảo ngược nhau, như xả đối trị trạo cử, tướng của trạo cử thì cao, tướng của xả thì tịnh, cho nên được đối trị chung, vì trạo cử là tham phần và si phần. Lại nữa, nói tánh đối trị, tức là ba si phần của vong niệm, tức là chánh đảo của bất vong niệm. Hoặc có thể tánh của hành tướng đều đảo ngược nhau. Bất phần là một phần của vô sân, như lý nên tư duy. Nhưng quyển 89 phần lớn đều có các tên của phiền não, mỗi mỗi đều xứng với tâm sở đối nghịch, là chỗ nhiếp của phần nhiều hay phần ít nào? Thứ hai là hỏi và đáp, phước và lập.

Luận: “Duyên nào mà các nhiễm pháp”, đến “có pháp không như thế”.

Thuật rằng: Người ngoài hỏi: duyên nào trước đã nói trừ thể ra của biệt cảnh? Hợp chung căn bản trong hai mươi sáu Tùy phiền não, có mười một pháp phiền não riêng đảo ngược lại thì thành thiện pháp. Các phiền não còn lại thì trong Luận này và trong các Luận khác không có riêng đảo ngược lại, có lý do gì?

Luận: “Tướng và dụng khác nhau”, đến “cho nên không đáng hỏi vặn”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp rằng tướng dụng khác nhau là riêng lập làm thiện, ngoài ra chỗ tướng dụng của thiên thì không khác, cho nên không lập nó. Ông cần gì phải hỏi vặn!

Hỏi: Nếu như thế ở đây có pháp gì khác? Tự các pháp còn lại, pháp nào vô dụng?

Luận: “Lại nữa, các nhiễm pháp”, đến “lập riêng thiện pháp”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp rằng các nhiễm pháp này khắp sáu

thức, vì thù thắng cho nên nghịch đảo lại, vì thể năng nhiệm khắp nhiều thức, lỗi quấy chảy đầy khắp nhiều thức.

Luận: “Mạn... phần... chỉ có Ý thức đồng thời”.

Thuật rằng: Mạn... bảy pháp trong căn bản phiền não, phần... chín pháp trong tùy hoặc, chỉ có Ý thức khởi chảy đầy trong ít thức, đó là lý do không nghịch đảo để lập riêng thiện pháp, không phỏng theo mỗi mỗi công năng tăng trưởng thù thắng. Bất tặc tức là hỷ vô lượng, cũng đáng lẽ nghịch đảo riêng. Nhưng chảy đầy trong thức không phải nhiều, không có cái hại này. Nhưng không chướng ngại các nghịch đảo khác làm thiện pháp.

Hỏi: Nếu như thế thì hại chỉ tại ý, đáng lẽ không nghịch đảo?

Luận: “Hại tuy cũng như thế”, đến “nghịch đảo lập bất hại”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp rằng, hại tuy cũng như thế, nhưng chỉ tại ý địa, vì có ba nghĩa cho nên riêng nghịch đảo, không đồng với phần. Một tâm sở hiện khởi tức là lựa riêng với phiền não khác. Tuy cũng như thế, hai pháp này thì tổn tự và tha. Tật... thì không như thế. Vì pháp chướng bi, nhân thù thắng của Vô thượng thừa. Thừa của Vô thượng cần phải bi cứu, nhân của bi đã thiếu thì khó lấy đó để tế độ chúng sinh. Công năng của hại tăng thêm chướng ngại đối với bi này, cho nên tuy tại ý và các thức khác cũng đồng, ba nghĩa thù thắng hơn cho nên cần phải nghịch đảo làm thiện. Vì khiến cho biết lỗi này do đó mà nghịch đảo lập làm thiện pháp. Giai vị sinh đắc thiện tùy theo đây mà nói. Nếu như thế thì tại sao ba pháp của si phần và vong niệm... không nghịch đảo?

Luận: “Thất niệm và tán loạn”, đến “trong thiện không nói”.

Thuật rằng: Thất niệm, tán loạn và bất chánh tri, tuy có si phần và biệt cảnh phần, tánh tướng nghịch đảo lẫn nhau. Đảo nghịch nhập vào biệt cảnh thiện phần ít, trong thiện không nói. Còn lại bảy pháp mạn... và chín pháp phần cũng như trước.

Luận: “Nhiễm và tịnh nghịch đảo lẫn nhau, lẽ nào tịnh có ít nhiễm”.

Thuật rằng: Phần thứ ba trình bày hỏi vặn nhiều ít.

Hỏi: Từ nhiễm nghịch đảo làm tịnh, từ tịnh nghịch đảo làm nhiễm, thế nào là nhiễm nhiều tịnh ít? Đối trị không đồng.

Luận: “Tịnh thì thù thắng, nhiễm thì yếu kém, ít đối địch với nhiều”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp: Thể của tịnh là pháp thù thắng, thể của nhiễm là pháp yếu kém, thù thắng thì ít đối địch với yếu kém thì nhiều,

cho nên nhiều nhiệm mà tịnh thì ít. Thật ra thể tướng đảo nghịch lẫn nhau đều số cũng đồng. Nhưng ở đây chỗ trái nghịch nhiều ít bất đồng cho nên có vấn đáp này. Nghĩa này tuy như thế, nhưng tại sao không lập thiện nhiều nhiệm ít?

Luận: “Lại nữa, giải và lý thông nhau”, đến “không nên đồng hỏi”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ hai, tịnh pháp là giải thích thuận với chánh lý, cho nên giải thích nhiệm nghịch đảo có bất mạn... nhiều tên, tổng quát tức là cùng với mười một pháp này đồng thể, giải thích lý thông suốt, vì dung thông nhau. Có thể ít nhiếp nhiều pháp đồng thể. Mê thì tình cách, đối với thể sự lý của vật bị câu thúc. Tùy theo tướng của nhiệm pháp tăng thêm cho nên phân làm nhiều chủng loại, cho nên nhiệm mong tịnh, không thể khiến cho bằng nhau. Lại nữa, nhiệm thuận với tình, vì khiến cho biết chán ác cho nên cần phải nói rộng. Nói nhiều thiện pháp e rằng khởi tâm khó tu, cho nên lược bỏ không nói.

Hỏi: Tại sao trong nhiệm pháp quyển 64 và Nhiếp Sự phần quyển 89 có nhiều pháp? Tại sao trong đây chỉ nói có hai mươi pháp?

Đáp: Vì dụng tăng trưởng thù thắng khắp các nhiệm, thuyết chỉ có hai mươi, là phần... mười pháp, cùng với vô tà và vô quý, sự tăng trưởng của nó nhanh mạnh cho nên nói nó. Tám pháp dưới đó, hoặc là mười pháp vì khắp nhiệm tâm cho nên nói nó. Các pháp còn lại hoặc không phải tăng trưởng nhanh mạnh, hoặc không khắp nhiệm tâm cho nên ở đây không nói. Các pháp này sẽ nói sau trong Tùy phiên nào.

Hỏi: Tại sao sở trị chỉ có tại dục?

Đáp: Năng trị thì thông với cõi trên như sân, phần... Hoặc sở trị thông ba cõi, năng trị chỉ thông hai cõi trên, như khinh an trị hôn trầm.

Hỏi: Tại sao nhiệm pháp sở trị chỉ có tại Ý thức, thiện pháp năng trị thì thông với sáu pháp, như hại làm bất hại; hoặc có sở trị thông với sáu pháp, năng trị chỉ tại ý, như hôn trầm nghịch đảo làm khinh an?

Đáp: Tánh tướng tương đương phân rõ năng trị và sở trị, không lấy chung thức và chung cõi mà nói năng trị và sở trị.

Tiếp theo phần thứ tư giả và thật.

Luận: “Mười một pháp này”, đến “tướng dụng khác nhau”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp đồng, quyển 55 cũng như thế. Luận kia nói Thế tục hữu, nói Thế tục hữu là thông với thật và giả, như trước đã dẫn. Những nhà quan niệm thiện căn của vô si không có thể riêng nói: “Như năm kiến quyết định Thế tục không có thể tức là giả”. Vì lấy tuệ trong biệt cảnh, vô si cũng như thế, tuy nói thật có tức là tánh của

tuệ và thiện, như dụng của xả do bốn tánh thành thể, không phải tánh riêng. Nếu như thế thì bất hại làm ví dụ cũng như tuệ, cho nên ở đây chánh thuật rằng cùng với Luận Đối Pháp đồng, ba giả, tám thật, cho nên giống như văn. Phần thứ năm câu khởi.

Luận: “Có thiện mười một pháp”, đến “còn lại bảy bất định”.

Thuật rằng: Đây là sơ thứ nhất nói. Có ba phần:

1. Nêu tông.
2. Lập lý.
3. Dẫn chứng.

Đây là phần đầu. Bốn pháp trong mười một khắp thiện. Định địa và bất định địa, lậu và Vô lậu đều khắp, công lực khắp, cho nên còn lại bảy pháp thì không đúng. Dưới đây là lập lý.

Luận: “Suy tầm sự lý”, đến “thứ hai không có”.

Thuật rằng: Giải thích bảy pháp không khắp, tâm thiện tìm vạch suy lý chưa quyết thì không có tín sinh. Tín duyên cảnh định cho nên tín không phải khắp. Tín lấy hổ thẹn làm tự tướng của nó, vì đồng loại. Như định của hai thọ không đồng thời sinh, khi một khởi thì không có cái thứ hai, cho nên cũng không phải khắp. Khi quyết định hoặc chưa quyết định cũng không chướng lẫn nhau khởi một thọ.

Luận: “Chủ yếu Thế gian đạo”, đến “mới có bất hại”.

Thuật rằng: Thế đạo lìa dục mới có khinh an, vì trừ phiền não thô trọng. Không chướng có tín và tầm quý, khi có Bất phóng dật và xả thì Vô lậu đạo mới có kiến lập, công năng của bốn pháp mới thù thắng, không chướng pháp có trước. Trừ các duyên vô tướng khi bị mãn hữu tình thì có bất hại, vì chánh đối trị hại tổn não, không chướng khởi pháp trước. Nhưng tán tâm vị hoặc Vô lậu vị đều không có khinh an. Khi Hữu lậu thiện không có Bất phóng dật và xả thì vô tướng tâm thiện không có bất hại, cho nên bảy pháp còn lại không phải khắp tâm thiện. Nhưng nói có mười pháp khắp tâm thiện, là căn cứ theo sự dung chứa có thời và có thời khởi, không phải nói đều khắp tất cả tâm thiện. Lấy gì làm chứng?

Luận: “Luận nói mười một pháp”, đến “có bất hại”.

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng. Luận Du-già quyển 55 ghi: “Trong sáu vị khởi mười một thiện, khởi khắp tâm thiện, không có thâm tâm ngừng nhiễm”. Vô tầm và vô quý khởi, không chiếu cố đến tự và tha, ngoài ra như văn có thể hiểu. Nhưng hữu tình sư này nói khi khởi như vậy, không ngăn trách có thời đều được tương ưng, do đây quyết định sáu vị của nó khởi mười một thiện. Tuy tầm và quý khởi thì không

khác thời, vì đồng thời ngưng dứt ác nhiếp chung một vị. Nhưng lại vị này mà nói có thời như vậy, không phải chắc chắn tất cả không thừa nhận có thời, hoặc được đồng thời khởi. Ý này tổng hiển chưa phải đồng thời, không phải thì không đồng thời. Giải thích riêng sau chỉ phá không cùng thời, thừa nhận thời cùng lúc, không phải phá giới hạn.

Luận: “Có nghĩa Luận kia nói”, đến “không có tịnh tín”.

Thuật rằng: Văn sau có năm phần:

1. Phá trước.
2. Giải thích vấn nạn.
3. Hiển chánh.
4. Dẫn chứng.
5. Giải nghi.

Đây là phần đầu. Nghĩa trước không đúng, ông nói suy tìm sự chưa quyết có ba tánh tâm. Ông nói trong tâm thiện kia không có tín thì lẽ ra không phải là thiện, vì không có tịnh tín. Như nhiệm Vô ký tâm, nhiệm là đồng lấy Vô ký. Lại nói rằng tâm thiện quyết định có tín khởi, vì tâm thiện nhiếp, như tâm thiện trong khi định.

Luận: “Tâm và quý khác loại”, đến “trước đã nói rồi”.

Thuật rằng: Hai pháp ở đây mỗi mỗi đều có tướng riêng, thể là dị loại, vì sùng thiện và cự ác. Nướng vào tự và tha tăng thượng tuy khác, nhưng cảnh thì đồng, cùng khởi đồng thời có khắp các tâm thiện. Trong tự thể trước thành lập đã xong.

Luận: “Hoặc nêu ra thể đạo”, đến “không phải Vô lậu”.

Thuật rằng: Vị của Vô lậu hoặc không có khinh an, đáng lẽ khinh an giác chi không phải thuộc về Vô lậu. Sự trước hoặc nói tán tâm không có khinh an này, vì không phải khắp. Ai cho rằng Vô lậu khinh an không đồng thời là câu vấn nạn rất sai lầm. Nhưng lấy khinh an giác chi của sự trước, không phải tại Vô lậu quán. Có Vô lậu quán sau khi có Hữu lậu quán sinh, nhưng cũng gọi là giác chi. Thể không phải Vô lậu mà nói Vô lậu là Vô lậu định dẫn xa, như khổ căn Vô lậu. Nếu như thế thì Phật không có khinh an giác chi này!?

Luận: “Hoặc thế gian đạo”, đến “đáng lẽ có hai”.

Thuật rằng: Hoặc xả và Bất phóng dật chỉ ở thế đạo mới có, đạo tâm của thế gian đúng ra không phải tịch tịnh, vì không có Bất phóng dật, cũng như các tâm nhiệm đã có tịch tịnh thì có xả và Bất phóng dật. Lại nữa, tâm thiện của thế gian không chiết phục được trạo cử và phóng dật, không thể đối trị, như nhiệm tâm, đã biết Thế gian đạo cũng có tán thiện, nhưng có tỷ lượng thì trong tán thiện đáng lẽ có hai pháp này, vì

là tâm thiện, vì đủ bốn pháp, như Xuất thế đạo.

Luận: “Khi tâm thiện khởi”, đến “có bất hại”.

Thuật rằng: Tâm sở bất hại đều có trong các tâm thiện, không tổn hại tự và tha, ngược lại sự tổn hại. Như tâm đại bi lấy bất hại làm thể, lẽ nào các giai vị của thiện khác cũng không có, đúng ra là phải đồng thời. Bốn pháp tinh tấn vì nghĩa đồng, đó là lý do không nói. Nếu như thế thì sáu vị khởi mười một pháp vẫn thông nhau như thế nào?

Luận: “Luận nói sáu vị”, đến “quyết định không xứng lý”.

Thuật rằng: Đây là giải thích vấn nạn. Quyển 55 kia nương vào khi có quyết định thì tín tăng, khi hết nhiệm thì tâm và quý tăng, không phải không có pháp khác, tức là nương vào các thứ tăng kia mà có sáu duyên chứ không phải một. Nói các thứ kia tăng thêm tín là nương vào khi sinh quyết định thì tín tăng, cho nên nói khi có quyết định thì có tín, sáu loại không phải một. Tạo các thứ thuyết này, không phải không có mười pháp tâm thiện hằng biến. Nếu như thế thì sao?

Luận: “Nên nói tín”, đến “các vị khác không có”.

Thuật rằng: Dưới đây là hiển chánh nghĩa, trong đó có mười pháp khắp tất cả thiện, không khắp khinh an. Làm sao biết vậy? Ban đầu dùng lý để chứng khinh an châu biến thông suốt thì phải trừ sự thô trọng. Thể của tán vị thô trọng không có, cho nên không có khinh an. Dưới đây lấy văn làm chứng.

Luận: “Trong Quyết trạch phân nói”, đến “tăng thêm khinh an”.

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng. Cuối quyển 69 nói định địa và bất định địa của mười tâm thiện sở đều khắp tâm thiện, vì trong định địa tăng thêm khinh an. Mười thiện hằng khắp, có khi tăng lên là mười một. Ở đây nói định địa tăng khinh an, vậy định địa là gì?

Luận: “Có nghĩa địa gia hạnh”, đến “thông tất cả hạnh”.

Thuật rằng: Từ trên đến đây là chung. Từ đây xuống là đoạn nhỏ nói theo cách khác để giải nghi. Như khi ở giai vị văn và tư mà tu định thì chưa được định nói trên. Trước định gần với gia hạnh cũng gọi là định địa, vì lúc này có nghĩa lý vi tế điều hòa thông suốt, tức là cõi Dục cũng có khinh an. Nếu cõi Dục không có thì liền trái với Bản Địa phần quyển 3 nói tín... mười một pháp thông với tất cả Địa. Nếu nói từ nhiều Địa mà ngôn thuyết thông thì tất cả đều không phải thật thông, phải từ phần nhiều mà nói nó đồng thời khởi, vì mười pháp hằng đồng thời. Đã không thừa nhận như thế, cho nên biết cõi Dục cũng có khinh an. Quyển 56, quyển 63 và Hiển Dương quyển 6 đều cho rằng: “Bất định địa là không có khinh an địa. Cõi Dục là trừ khinh an đồng thời với định ra”.

Luận kia cho rằng nếu khinh an của cõi thắng diệu trên căn bản không có thì làm sao nói như vậy được? Chẳng phải nói không có khinh an của cõi Dục, như nói sự Vô sắc của cõi Vô sắc, không phải Vô sắc đó không có sắc của định.

Luận: “Có nghĩa khinh an”, đến “gọi là bất định địa”.

Thuật rằng: Không đúng. Khinh an chỉ có trong các Định địa cõi trên. Tại sao vậy? Do định thấm nhuần trưởng dưỡng mà có điều hòa, cõi Dục thúc liễm tâm quyết chắc không phải thật định, cho nên không có sự thấm nhuần thì gọi là điều hòa. Làm sao biết được? Quyển 63 nói các tâm và tâm sở thiếu khinh an cho nên gọi là bất định địa, nếu không như thế thì đáng lẽ nói rằng thiếu khinh an của cõi trên gọi là bất định địa. Nếu như thế thì tại sao nói rằng thông với tất cả Địa?

Luận: “Nói tất cả Địa”, đến “ba Địa đều có”.

Thuật rằng: Những thứ này đều thông với ba Địa của tâm và tứ thì có lỗi gì? Định của Sơ thiên, trung gian và Địa trên có khinh an, các tâm sở cũng đều như vậy. Nhưng tự nó có tầm tứ, có dài ngắn, nhưng ngược lại che lấp lý vấn. Không nói cõi Dục có định, có khinh an thì sự sau là thù thắng, trong đây duyên và nghĩa đồng nhau, càng không có thuyết nào khác.

Luận: “Mười một thứ này”, đến “chỉ có thiếu khinh an”.

Thuật rằng: Những điều này có thể biết, tức là môn thứ sáu đều nói chánh nghĩa.

Luận: “Có nghĩa năm thức”, đến “không có khinh an”.

Thuật rằng: Năm thức không có khinh an vì thể tán động. Sự này nói, mười lăm cõi Hữu lậu, Phật không có năm thức Vô lậu, hai vị hoặc nhân hoặc quả cũng đều như thế.

Luận: “Có nghĩa năm thức”, đến “chắc có khinh an”.

Thuật rằng: Ở đây có ba giải thích:

1. Điều này chỉ ở tại Phật, vì do ý dẫn cho nên năm thức có khinh an. Lại nữa, năm thức thành sự trí đều có khinh an. Phần đầu phỏng theo tha mà dẫn lập tông, phần sau Luận tự đồng thời dẫn chứng, đều phỏng theo giai vị của Phật. Giải thích này phá giải thích trước Phật không có thân năm thức Vô lậu, tức là thuận trong phân biệt của ba cõi, cõi Dục không có khinh an.

2. Chỗ dẫn thiện của định có khinh an, đây là tại nhân vị năm thức Hữu lậu, thân tại cõi Dục trong năm thức chỗ dẫn thiện của định, không phải không có điều hòa thông suốt, tức là như thông với thiên nhân, thiên nhĩ. Thiện thì có khinh an, Vô ký thì không có, phá nhân

vị năm thức trước không có. Tại quả thì thừa nhận là có, đây là căn cứ theo nhân vị, hoặc tại Phật quả thì điều này làm chánh nghĩa. Hoặc khi ở Sơ địa, thành sở tác trí đồng thời thì chắc có khinh an. Nếu giải thích như vậy thì trái với chánh nghĩa thứ hai trước trong chỗ nói dục không có khinh an. Điều đó chỉ căn cứ theo tất cả loài dị sinh. Đến Ý thức dưới đây, nói nó là không có. Căn cứ theo Thánh lý thì Hậu đắc trí dẫn năm thức có khinh an, không có lỗi tương vi. Đoạn văn trước chỉ đối với sở đầu tiên kia mà nói, chưa phải là hết lý.

3. Trong đây năm thức tại cõi Sắc, trong cõi đó không có tỷ và thiệt. Trong văn nói tổng quát, lý thật ra là ba thức, không trái với đoạn văn trước.

Luận: “Trong mười một thiện này, pháp nào tương ứng với thọ”.

Thuật rằng: Hối Thức thứ bảy đồng thời với năm thọ.

Luận: “Mười lăm tương ứng”, đến “không có điều hòa thông suốt”.

Thuật rằng: Trong mười một thiện trừ khinh an ra, còn lại mười pháp được đồng thời với thọ, thông khắp ba cõi. Khinh an chỉ trừ ra hai thọ ưu và khổ, chỉ các cõi dưới mới có, bức bách hai thọ này không được điều hòa thông suốt khinh an. Nếu như thế thì chỉ có chỗ dẫn năm thức của định, đáng lẽ không có khinh an. Lý này không đúng, vì chỗ dẫn thiện là xả và lạc đồng thời. Nhưng Hậu đắc trí của Bồ-tát tuy khởi khổ căn có thể gọi là Vô lậu, nhưng không có khinh an gọi là bức bách thọ, các thọ còn lại thì có thể có, tức là thông với tâm quả. Nếu như thế thì ba thức tỷ, thiệt và thân không phải thông nhau thì quả thông như thế nào? Khổ căn tuy gọi là Vô lậu, nhưng không nói là khinh an đồng thời. Khi khinh an đồng thời thì năm thức vui vẻ, khi khổ thọ bức bách thì năm thức không đồng thời. Nhưng thật tế thì trong Hậu đắc trí của Bồ-tát khởi năm thức có khinh an đồng thời thì không có lỗi. Chỉ trừ khổ thọ, vì định thãm nhuần, nhưng cõi trên có ba thức, cõi dưới có năm thức.

Luận: “Pháp này với biệt cảnh”, đến “không trái nhau”.

Thuật rằng: Từ đây xuống Thức thứ tám cùng với biệt cảnh trước ương ứng. Biến hành thì thông khắp cho nên không nói. Bốn pháp bất định thì trong đó tự nói, cho nên không Luận, chỉ nói biệt cảnh đều không trái với nó. Hữu lậu Vị và Vô lậu vị đều được tương ứng, nhưng trong cõi Dục có mười pháp đồng thời trừ ra khinh an, cõi trên thì có đủ mười một thiện pháp, lý nói như trước. Đây là căn cứ theo khi biệt cảnh đồng thời khởi năm thức mà có thể nói được, nhưng nó có khi một hoặc

hai đồng sinh.

Luận: “Mười một pháp chỉ có thiện”, đến “đều là ba thứ học”.

Thuật rằng: Ba tánh thứ chín chỉ có thiện. Giới thứ mười ba là khinh an không phải dục, pháp còn lại thì thông với ba cõi, như trước có thể biết. Tại sao chỗ trị chỉ có tại dục? Như sân hại... có thể trị thông ba cõi. Phiền não thì ngăn cách với tình, phần nhiều không khắp các cõi. Thiện thuận với lý tức là thông ba cõi.

Hỏi: Kia không có sở trị lẽ nào có năng trị?

Đáp: Không lấy cõi trời buộc mong nhau mà đối trị. Thứ mười một Hữu học, Vô học, Phi học và Phi vô học tất cả đều thông nhau. Nhưng trong thân của học và Vô học đều thông với Hữu lậu và Vô lậu, vì thuận với học, như Luận Đối Pháp quyển 48, quyển 58, quyển 59 đều như thế.

Luận: “Không phải sở đoạn của kiến”, đến “không có điều hòa thông suốt”.

Thuật rằng: Mười hai đoạn và mười ba đoạn, đều không phải kiến đoạn, vì không phải chướng kiến, không phải tà sinh. Lấy gì làm chứng? Quyển 57 trong hai mươi hai căn, nói mười bốn pháp do một phần chỗ đoạn của kiến, một phần là chỗ đoạn của tu, là bảy sắc, mạng, năm thọ và ý. Còn mười hai pháp thì do một phần chỗ đoạn của tu và một phần là không phải chỗ đoạn, là sáu pháp trong mười bốn pháp trên và sáu pháp khác, là năm thọ, ý, năm căn tín... và Vị tri đương tri căn. Luận kia nói hai, sáu, năm thọ và ý thông với kiến trừ, cho rằng sáu pháp trước, tín... năm căn và Vị tri đương tri căn của nó không phải là kiến trừ cho nên lấy làm sáu pháp sau, hai pháp không phải sở đoạn, là hai pháp Vô lậu căn sau. Hiện tại ở đây chỉ nêu sáu thiện pháp sau để làm chứng, chỉ là tu đoạn và bất đoạn.

Hỏi: Luận này nói Vô tướng định là kiến đoạn. Lại nữa, Luận Đối Pháp quyển 4 nói tất cả nghiệp quả đường ác đều là kiến đoạn, cũng đâu có hại gì thiện nghiệp kiến đoạn?

Đáp: Luận kia không nói thiện pháp đoạn duyên trời buộc gọi là kiến đoạn. Nếu không như thế thì cõi Tu đạo dưới phiền não cũng chiêu cảm đường ác, lẽ nào là chỗ đoạn của kiến, cho nên lấy đây làm chứng. Thiện không phải kiến đoạn, hoặc nói là kiến đoạn, lấy đây làm chứng thì sai. Sơ lược có bốn môn, sẽ nói trong duyên sinh dưới đây.

Hỏi: Phân nghiệp riêng báo có thể nói là kiến đoạn, quả của Tu đạo hoặc có thể nói là kiến đạo đoạn hay không? Nếu không đoạn thì trái với văn, nếu đoạn thì lại càng trái với lý, nhân chưa đoạn thì quả

kia lẽ nào đoạn?

Đáp: Như quả Vô tướng thiên, Bắc Uất-đan-việt quả tuy cũng đoạn nó, nhưng lẽ nào lại đoạn thiện luôn sao! Cho nên biết quả thì mất trước nhân thì đoạn sau.

Hỏi: Lý do tại sao?

Đáp: Vì quả thô chướng Thánh đạo, nhập vào kiến đoạn quả, nhân thì tế không chướng kiến, nhập vào kiến mà không đoạn nhân. Đối với hai nhân thiện và nhiễm, ba đường ác đều gọi là đoạn. Lại nữa, chỗ dẫn Kiến hoặc của quả Vô tướng định, nhân Kiến hoặc mất thì quả cũng tùy theo đó mà mất, như Vô tướng định nhập Thánh cũng không đoạn, chỉ đoạn quả kia mà thôi. Thiện pháp tùy thuận cũng có thể nhập Thánh, hoặc thành tựu quả kia cũng được nhập Thánh. Như trong duyên sinh dưới đây, bất sinh gọi là đoạn, nhân của nó cũng đoạn, đoạn duyên, đoạn trói buộc, chỉ tu các sở đoạn. Đã như thế thì đường ác và thiện nghiệp cũng là chỗ đoạn của kiến. Hiện tại Luận này căn cứ theo đoạn trói buộc cho nên không có lỗi tương vi.

Luận: “Các môn phân biệt khác, nên tư duy như lý”.

Thuật rằng: Nói rằng hữu báo và vô báo, Địa nào duyên Địa nào, điều đó đều ở đây, như lý mà tư duy.

